

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN**

**NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH
VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN TỪ TRẢI NGHIỆM
THỰC TẾ TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học giáo dục

Lâm Đồng, 05/2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN**

**NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH
VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN TỪ TRẢI NGHIỆM
THỰC TẾ TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học giáo dục

Sinh viên thực hiện:

Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Năm học
Hoàng Kim Thành	Nam	Kinh	AVK42SP	4/4
Hồ Thị Kiều Trinh	Nữ	Kinh	AVK42SP	4/4
Hoàng Minh Vĩnh An	Nam	Kinh	AVK44SPB	2/4

Khoa: Sư phạm Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh

Sinh viên chịu trách nhiệm chính: Hoàng Kim Thành

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Hữu Tân

Lâm Đồng, 05/2022

LỜI CAM ĐOAN

Chúng tôi xin cam đoan báo cáo đề tài này là công trình nghiên cứu của nhóm bao gồm: Hoàng Kim Thành, Hồ Thị Kiều Trinh, Hoàng Minh Vĩnh An được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên ThS. Nguyễn Hữu Tân.

Các số liệu, kết quả nghiên cứu được trình bày trong báo cáo đề tài “Nhận thức của học sinh và phụ huynh về học tập trực tuyến từ trải nghiệm thực tế trong bối cảnh dịch COVID-19 tại thành phố Đà Lạt” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Nhóm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Lâm Đồng, tháng 05 năm 2022

Sinh viên chịu trách nhiệm chính

Hoàng Kim Thành

LỜI CẢM ƠN

Xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Khoa Sư Phạm tạo điều kiện cho chúng em thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học này.

Xin được cảm ơn thầy cô, các em học sinh và phụ huynh của các trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt, gồm có các trường THCS, THPT tham gia khảo sát bao gồm: Trường THCS Lam Sơn, Trường THCS Nguyễn Du, Trường THCS & THPT Đồng Đa, Trường THCS & THPT Tây Sơn, Trường PTDTNT tỉnh Lâm Đồng, Trường THPT Chuyên Thăng Long, Trường THPT Trần Phú và Trường THPT Bùi Thị Xuân, đã tạo điều kiện, và giúp đỡ để nhóm thực hiện đề tài thu thập dữ liệu thuận lợi.

Và đặc biệt xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc nhất đến người đồng hành cùng chúng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học – Giảng viên hướng dẫn ThS. Nguyễn Hữu Tân.

Lâm Đồng, tháng 05 năm 2022

Sinh viên chịu trách nhiệm chính

Hoàng Kim Thành

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	iii
LỜI CẢM ƠN.....	iv
MỤC LỤC	v
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	viii
DANH MỤC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ.....	xii
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI	xiii
THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN	xvi
CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	xvi
MỞ ĐẦU	1
1.1. Tính cấp bách của đề tài	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	3
1.3. Đối tượng nghiên cứu.....	4
1.4. Khách thể nghiên cứu	4
1.5. Phạm vi nghiên cứu	4
1.6. Ý nghĩa nghiên cứu.....	4
1.8. Giả thuyết nghiên cứu.....	7
1.9. Cấu trúc báo cáo nghiên cứu	7
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN LÝ LUẬN.....	8
1.1. Những khái niệm công cụ	8
1.2. Lý thuyết về nhận thức	13
1.3. Giáo dục trực tuyến	13
1.4. Học tập trực tuyến	14
1.5. Nhận thức về học tập trực tuyến	15

1.6. Những yếu tố tác động đến động cơ (học trực tuyến).....	16
1.7. Những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong quá trình học trực tuyến	18
CHƯƠNG 2: NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN.....	21
2.1 Đặc điểm mẫu khảo sát học sinh	21
2.2. Bối cảnh và điều kiện học trực tuyến	23
2.3. Nhận thức về những lợi ích và bất lợi của học tập trực tuyến.....	31
2.4. Đánh giá học tập trực tuyến ở các mặt: học lý thuyết, làm bài tập, hoạt động nhóm và kiểm tra đánh giá.....	37
2.5. Cảm nhận chung khi học trực tuyến.....	49
2.6. Đánh giá có yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến	51
2.7. Lựa chọn tương lai và nhu cầu hỗ trợ học tập trực tuyến.....	53
CHƯƠNG 3: NHẬN THỨC CỦA PHỤ HUYNH VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN	57
3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát phụ huynh.....	57
3.2 Phương tiện học trực tuyến.....	58
3.3. Đánh giá chất lượng học trực tuyến	58
3.4. Nhận thức về lợi ích và bất lợi của việc học trực tuyến	60
3.5. Nhận thức về sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến	64
3.6. Đánh giá sự hỗ trợ con/em trong quá trình học trực tuyến.....	67
3.7. Lựa chọn hình thức học tập cho tương lai	71
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	74

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
PH	Phụ huynh
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
CNTT	Công nghệ thông tin
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp 4.0

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Cơ cấu lấy mẫu	5 - 6
Bảng 2.1	Trường học các học sinh được khảo sát đang học tập	21 – 22
Bảng 2.2	Khối lớp các học sinh được khảo sát đang học tập	22
Bảng 2.3	Giới tính các học sinh được khảo sát	22
Bảng 2.4	Học lực của học sinh được khảo sát	22
Bảng 2.5	Khu vực sống của các học sinh được khảo sát	22
Bảng 2.6	Hoàn cảnh học trực tuyến	23
Bảng 2.7	Thời gian học trực tuyến	23
Bảng 3	Phương tiện dùng để học trực tuyến	23
Bảng 4	Phương tiện sử dụng nhiều nhất	24
Bảng 4.1	Học sinh các khối lớp sử dụng thiết bị để học tập trực tuyến	24
Bảng 4.2	Phương tiện sử dụng học tập trực tuyến theo khu vực	25
Bảng 5	Công nghệ/ phần mềm dùng để học trực tuyến.	25
Bảng 5.1	Phần mềm học sinh các cấp sử dụng để học trực tuyến	26
Bảng 6	Người hướng dẫn học trực tuyến	27
Bảng 6.1	Số lượng người hướng dẫn học tập trực tuyến	27
Bảng 6.2	Người hướng dẫn học trực tuyến ảnh hưởng đến học lực	27 – 28
Bảng 6.3	Người hướng dẫn học trực tuyến theo khối lớp	28
Bảng 7	Người hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình học trực tuyến	29

Bảng 7.1	Người hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình học trực tuyến theo từng khối lớp	30
Bảng 8	Những thuận lợi khi học trực tuyến (1)	31
Bảng 9	Những thuận lợi khi học trực tuyến (2)	32
Bảng 10	Những thuận lợi khi học trực tuyến (3)	32 - 33
Bảng 11	Những thuận lợi khi học trực tuyến (4)	33
Bảng 12	Những bất lợi khi học trực tuyến (1)	35
Bảng 13	Những bất lợi khi học trực tuyến (2)	35
Bảng 14	Những bất lợi khi học trực tuyến (3)	35 - 36
Bảng 15	Những bất lợi khi học trực tuyến (4)	36
Bảng 16	Đánh giá việc học lý thuyết khi học trực tuyến	37 - 38
Bảng 17	Đánh giá chung việc học lý thuyết khi học trực tuyến	38
Bảng 18	Đánh giá việc làm bài tập khi học trực tuyến.	39
Bảng 18.1	Đánh giá làm bài tập trực tuyến ít tốn thời gian hơn theo trường học	40
Bảng 18.2	Đánh giá làm bài tập trực tuyến khó hơn theo trường học	41
Bảng 18.3	Đánh giá làm bài tập trực tuyến chủ động hơn theo trường học	41
Bảng 18.4	Đánh giá lượng bài tập ít hơn trên lớp theo trường học	42
Bảng 19	Đánh giá chung việc làm bài tập khi học trực tuyến	42
Bảng 20	Đánh giá về việc hoạt động nhóm khi học trực tuyến	43
Bảng 20.1	Đánh giá hoạt động nhóm tốn ít thời gian hơn theo trường học	44
Bảng 20.2	Đánh giá tần suất hoạt động nhóm khi học trực tuyến	44 - 45

Bảng 20.3	Đánh giá hoạt động nhóm mang tính chủ động hơn khi học trực tuyến	45
Bảng 20.4	Đánh giá học trực tuyến khó tập trung hơn khi hoạt động nhóm	46
Bảng 21	Đánh giá chung về việc hoạt động nhóm trực tuyến	46
Bảng 22	Đánh giá về việc kiểm tra, đánh giá kết quả khi học trực tuyến	47
Bảng 22.1	Đánh giá về quá trình làm bài kiểm tra theo khối lớp	47 - 48
Bảng 23	Đánh giá chung về việc kiểm tra, đánh giá kết quả khi học trực tuyến	49
Bảng 24	Cảm nhận chung khi học trực tuyến (1)	49
Bảng 25	Cảm nhận chung khi học trực tuyến (2)	50
Bảng 26	Cảm nhận chung khi học trực tuyến (3)	50 - 51
Bảng 27	Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (1)	51
Bảng 28	Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (2)	52
Bảng 29	Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (3)	52
Bảng 30	Hình thức học tập lựa chọn sau dịch	53
Bảng 31	Nhu cầu hỗ trợ để học trực tuyến tốt hơn (1)	54
Bảng 32	Nhu cầu hỗ trợ để học trực tuyến tốt hơn (2)	54
Bảng 33	Nhu cầu hỗ trợ khi học trực tuyến theo khối lớp ở mức độ ‘Rất cần thiết’	55
Bảng 34	Khu vực sinh sống của phụ huynh	57
Bảng 35.1	Trình độ học vấn của phụ huynh	57
Bảng 35.2	Trình độ học vấn của con/em	57
Bảng 36	Phương tiện học sinh dùng để học trực tuyến được phản hồi từ phụ huynh	58

Bảng 37	Đánh giá chất lượng học trực tuyến thông qua phản hồi của phụ huynh	58 - 59
Bảng 38	Lợi ích của việc học online được phản hồi từ phụ huynh	60 - 61
Bảng 39	Bất lợi của việc học trực tuyến qua phản hồi của phụ huynh	62 - 63
Bảng 40	Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về trang bị học tập	63- 64
Bảng 41	Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về kết nối Internet	64 - 65
Bảng 42	Phản hồi của phụ huynh về hỗ trợ con/em môi trường học tập	65
Bảng 43	Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về tâm lí xã hội	66 – 67
Bảng 44	Phản hồi của phụ huynh về đáp ứng nhu cầu của con/em	67 - 68
Bảng 45	Phản hồi của phụ huynh về đánh giá sự hỗ trợ của giáo viên	68
Bảng 46.1	Đánh giá được thu thập từ ý kiến của phụ huynh về tầm quan trọng của sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến. (1)	69
Bảng 46.2	Đánh giá được thu thập từ ý kiến của phụ huynh về tầm quan trọng của sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến. (2)	69 - 70
Bảng 47	Hình thức học tập học sinh mong muốn học sau khi dịch	70 - 71

DANH MỤC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

Không có

Hình/Biểu đồ	Tên hình/biểu đồ	Trang

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: **Nhận thức của học sinh và phụ huynh về học tập trực tuyến từ trải nghiệm thực tế trong bối cảnh dịch COVID-19 tại thành phố Đà Lạt**
- Sinh viên thực hiện:
 - Hoàng Minh Vĩnh An MSSV: 2012903 Lớp: AVK44SPB
 - Hoàng Kim Thành MSSV: 1810155 Lớp: AVK42SP
 - Hồ Thị Kiều Trinh MSSV: 1810163 Lớp: AVK42SP
- (Chủ nhiệm đề tài: Hoàng Kim Thành)
- Lớp: AVK44SPB, AVK42SP Khoa: Sư phạm Năm thứ: 2, 4 Số năm đào tạo: 2, 4
- Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Hữu Tân

2. Mục tiêu đề tài

Các mục tiêu nghiên cứu của đề tài là:

- Nhận thức của học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm học tập trong mùa dịch Covid-19.
- Nhận thức của phụ huynh có con em là học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm hỗ trợ con em học tập trong mùa dịch Covid-19.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của học sinh THCS, THPT và phụ huynh trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm liên quan đến giáo dục trực tuyến trong mùa dịch Covid-19.
- Những đề xuất cải tiến về dạy và học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trực tuyến trên cơ sở phân tích nhận thức của học sinh và phụ huynh về học tập trực tuyến.

3. Tính mới và sáng tạo

- Tính mới: Chưa có đề tài nghiên cứu về chủ đề này ở thành phố Đà Lạt cũng như ở Việt Nam.
- Tính sáng tạo: Học tập trực tuyến là một giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục trong thời gian xảy ra đại dịch COVID-19. Một trong những đặc điểm quan trọng của giải pháp này là thay đổi môi trường học tập của học sinh từ trường lớp mang tính tập trung sang môi trường gia đình. Do đó đề tài không chỉ tìm hiểu nhận thức của học sinh mà còn tìm hiểu nhận thức của phụ

huynh đối với giáo dục trực tuyến. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trực tuyến bởi vì sau đại dịch thì giáo dục trực tuyến vẫn sẽ là mô hình giáo dục quan trọng được tiếp tục phát triển trong tương lai.

4. Kết quả nghiên cứu

Thông qua quá trình nghiên cứu, nhận thấy có sự tương đồng trong thực trạng học trực tuyến tại Việt Nam và lý thuyết của các nhà nghiên cứu cùng đề tài ở trên thế giới. Từ đó, đề tài là cơ sở cho thấy cần thiết có sự thay đổi, cải thiện trong cách truyền thụ kiến thức, yêu cầu các đối tượng nghiên cứu thích nghi với hình thức giáo dục mới.

Dù trong tương lai, vẫn chưa có minh chứng nào cho thấy những biến thể của vi rút Covid - 19 sẽ không xuất hiện, do đó, điều cần thiết chuẩn bị phương pháp giáo dục kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến nhằm linh hoạt trong quá trình chống dịch trong tương lai. Vì thế, thông tin rút ra được từ quá trình nghiên cứu là đề xuất những hướng đi mới để khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm của việc học trực tuyến trong thời gian sau này.

Bên cạnh đó, thế giới đang ngày càng phát triển đi đôi với sự cải tiến của công nghệ, hình thức học tập trực tuyến sẽ được phổ biến rộng rãi, vì vậy việc hiểu và rút ra được những lợi ích hay bất lợi là mắt xích quan trọng trong hình thức giáo dục đổi mới cần phải có ở Việt Nam.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

- Về mặt lý luận, đề tài đóng góp những phát hiện vào lĩnh vực tri thức giáo dục trực tuyến mà hiện nay được xem là một trong những lĩnh vực giáo dục quan trọng cần phát triển trong tương lai.
- Về mặt thực tiễn, đề tài đưa ra những khuyến nghị và giải pháp nhằm cải tiến chất lượng và hiệu quả giáo dục trực tuyến trong tương lai. Các kết quả nghiên cứu của đề tài có thể tham khảo và áp dụng vào giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt cũng như các địa bàn khác ở Việt Nam.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài (*ghi rõ tên tạp chí nếu có*) hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (*nếu có*): Chưa có.

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Sinh viên chịu trách nhiệm chính

thực hiện đề tài

(*ký, họ và tên*)

Hoàng Kim Thành

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài (phần này do người hướng dẫn ghi):

Những đóng góp khoa học của nhóm sinh viên thực hiện đề tài có tính mới và sáng tạo, có ý nghĩa lý luận lẫn ý nghĩa thực tiễn. Các kết quả nghiên cứu của đề tài có thể áp dụng trong lĩnh vực giáo dục trực tuyến không chỉ ở thành phố Đà Lạt mà còn có thể áp dụng cho các nơi khác trong nước.

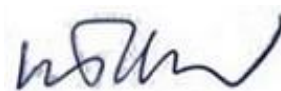
Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học

(ký tên và đóng dấu)

Người hướng dẫn

(ký, họ và tên)



ThS. Nguyễn Hữu Tân

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN

CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Sơ lược về sinh viên

Họ và tên: Hoàng Kim Thành

Sinh ngày: 07 tháng 09 năm 2002

Nơi sinh: Đà Lạt

Lớp: AVK42SP Khóa: 2018-2022

Khoa: Sư phạm

Địa chỉ liên hệ: 34B/3 Hùng Vương, phường 9, Đà Lạt

Điện thoại: 0944116035 Email: kimthanh09hoang@gmail.com



II. Quá trình học tập (kê khai thành tích của sinh viên từ năm thứ 1 đến năm đang học):

• Năm thứ 1

Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh

Khoa: Sư phạm

Kết quả xếp loại học tập (cả năm): Khá

• Năm thứ 2

Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh

Khoa: Sư phạm

Kết quả xếp loại học tập (cả năm): Khá

• Năm thứ 3

Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh

Khoa: Sư phạm

Kết quả xếp loại học tập (cả năm): Khá

• Năm thứ 4

Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh

Khoa: Sư phạm

Kết quả xếp loại học tập (HKI): Khá

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài
(ký, họ và tên)

Hoàng Kim Thành

MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp bách của đề tài

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) đã tuyên bố đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn cầu. Điều này đã làm gián đoạn rất nhiều các hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có giáo dục. Hầu hết tất cả các trường học trên thế giới ở phần lớn các nước xảy ra đại dịch, trong đó có Việt Nam, đều phải chuyển đổi hình thức dạy học ở các trường phổ thông cũng như cao đẳng và đại học từ hình thức giáo dục trực tiếp tại lớp sang hình thức giáo dục trực tuyến qua mạng máy tính hoặc kết hợp cả hai một cách tạm thời. Có thể nói mô hình giáo dục trực tuyến là giải pháp tất yếu để có thể duy trì các hoạt động giáo dục trong thời gian chống dịch.

Để đảm bảo công tác chống dịch của cả nước, các cơ quan nhà nước chủ động linh hoạt trong việc thực hiện nhiều hình thức học tập khác nhau để phù hợp với tình hình dịch của từng địa phương. Trên cả nước, vào tháng 9 – 2021 - đầu năm học 2021 – 2022, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo cho biết, có 25 tỉnh tổ chức dạy học trực tiếp cho 100% học sinh, 14 địa phương kết hợp học trực tiếp, trực tuyến và qua truyền hình, 24 tỉnh dạy học trực tuyến và qua truyền hình. Trong đó, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện kết hợp hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến và qua truyền hình. Tuy nhiên, quá trình học trực tuyến của các học sinh kéo dài tới cuối tháng 12, ngày 27/12 Sở Giáo Dục và Đào Tạo quyết định học sinh mầm non chưa được đến trường, học sinh các khối lớp tiểu học, THCS các trường học đang học trực tuyến chuyển sang học trực tiếp. Sau đó, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Đà Lạt đã quyết định cho học sinh học trực tuyến ngay sau thi học kì I năm học 2021-2022. Qua quá trình học trực tuyến của học sinh trong thời gian chống dịch, có rất nhiều vấn đề cũng như trở ngại cho không chỉ giáo viên, học sinh và còn phụ huynh trong quá trình đảm bảo học tập. Do đó, để tìm ra vấn đề của phương pháp dạy và học mới được áp dụng này có thể giúp phát triển cách thức giảng dạy và học tập của thầy và trò.

Học tập trực tuyến – trong tiếng Anh được gọi là e-learning - đã xuất hiện đầu tiên ở Đại học Illinois, Hoa Kỳ vào năm 1960 (Soumik Sarkar, 2020). Mặc dù chưa xuất hiện mạng Internet, hình thức học trực tuyến này đã được hiện thông qua việc kết nối các máy tính lại với nhau thành một mạng lưới kĩ thuật số.

Từ năm 1960, trong thời kì cách mạng công nghiệp 3.0 – Cách mạng kỹ thuật số, sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đã có những tiến bộ đáng kể khiến cho mô hình học tập trực tuyến đã có những thay đổi đáng kể, nhiều nghiên cứu giáo dục trực tuyến đã có những hướng dẫn cho việc dạy và học trực tuyến hiệu quả, nhiều công cụ kỹ thuật phần cứng lẫn phần mềm đã ra đời và được cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trực tuyến và đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu học tập của học sinh. Nhờ sự cập nhật và cải tiến thường xuyên đó mà giáo dục cũng phát triển, càng nhiều công cụ đa dạng và thú vị hơn để áp dụng vào tiết học. Bên cạnh đó, những phương pháp giáo dục như học tập trực tuyến mới cũng được ra đời với nhiều ưu điểm.

Ở Việt Nam, học tập trực tuyến còn đã được dẫn đầu và chính thức triển khai khóa học đầu tiên vào năm 2008 bởi Viện Đại học Mở Hà Nội (Báo Nhân Dân, 2017). Tuy nhiên học tập trực tuyến chưa thực sự thay thế được mô hình học tập trực tiếp truyền thống ở nhiều nơi trong nước cho tới khi có lệnh giãn cách phòng dịch Covid-19. Do đó, dù không phải là một ý tưởng mới lạ được đề ra gần đây, nhưng giáo viên, đặc biệt học sinh và cả phụ huynh đều phải dần dần làm quen với việc áp dụng mô hình trực tuyến vào các hoạt động giáo dục nhằm duy trì tính liên tục và ổn định của giáo dục trong thời gian xảy ra đại dịch.

Trong quá trình tiếp cận và áp dụng các hình thức học tập trực tuyến ở cấp giáo dục phổ thông, nhận thức của giáo viên, học sinh và cả phụ huynh về học tập trực tuyến ít nhiều có những thay đổi dưới những tác động của nhiều yếu tố cả chủ quan lẫn khách quan. Trong bối cảnh đó, nhóm sinh viên chúng tôi chọn đề tài tìm hiểu những góc nhìn khác nhau về học tập trực tuyến từ học sinh phổ thông và phụ huynh của họ.

Bên cạnh sự nỗ lực của học sinh trong quá trình thích nghi với cách học tập mới này, phụ huynh cũng đóng góp một phần không ít để hỗ trợ học sinh trong suốt quá trình đề động viên và giúp đỡ cho con em vượt qua những khó khăn khi học trực tuyến. Sự hỗ trợ đó không chỉ ở phương diện thiết bị như máy tính, kết nối mạng mà còn ở mặt tâm lý, tinh thần, sinh hoạt trong gia đình và cả công nghệ thông tin nếu có khả năng. Ngoài ra, đối với những học sinh ở cấp càng nhỏ như tiểu học hay trung học cơ sở, vai trò của phụ huynh học sinh càng đặc biệt quan trọng để có thể hỗ trợ quá trình học trực tuyến của con em mình thuận lợi hơn. Nhận biết được điều đó, nhóm

thực hiện nghiên cứu đã chọn phụ huynh làm khách thể nghiên cứu bên cạnh học sinh ở những trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Chúng tôi cho rằng sự nhìn nhận, phân tích và đánh giá từ những trải nghiệm thực tế của học sinh và phụ huynh đối với học tập trực tuyến trong thời gian đại dịch Covid-19 đóng vai trò quan trọng vì chúng có thể giúp cho các nhà giáo dục và kỹ sư công nghệ thông tin, đặc biệt là giáo viên, hiểu được những thuận lợi, khó khăn và nhu cầu của họ đối với giáo dục trực tuyến. Trên cơ sở đó có thể tìm ra những giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục trực tuyến bởi vì mô hình giáo dục trực tuyến, như nhiều nhà nghiên cứu giáo dục dự đoán, sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng sau khi đại dịch Covid-19 chấm dứt hoàn toàn.

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu quyết định chọn khách thể nghiên cứu chỉ bao gồm học sinh trung học cơ sở (THCS), và học sinh trung học phổ thông (THPT) thay vì chọn học sinh tiểu học. Các em học sinh tiểu học còn quá mới mẻ để có thể thích nghi với phương pháp học trực tuyến, các em còn cần nhiều sự hỗ trợ từ phụ huynh để có thể dễ dàng thích ứng với cách học tập trực tuyến. Thay vào đó, các học sinh THCS, THPT dễ dàng sử dụng tư liệu được cung cấp từ nhà trường hơn. Do đó, nhóm nghiên cứu đã quyết định chọn học sinh THCS và học sinh THPT làm khách thể nghiên cứu.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Các mục tiêu nghiên cứu cụ thể của đề tài là:

- Nhận thức của học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm học tập trong mùa dịch Covid-19.
- Nhận thức của phụ huynh có con em là học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm hỗ trợ con em học tập trong mùa dịch Covid-19.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của học sinh THCS, THPT và phụ huynh trên địa bàn thành phố Đà Lạt về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm liên quan đến giáo dục trực tuyến trong mùa dịch Covid-19.
- Những đề xuất cải tiến về dạy học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trực tuyến trên cơ sở phân tích nhận thức của học sinh và phụ huynh về học tập trực tuyến.

1.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhận thức của học sinh THCS và THPT và phụ huynh về học tập trực tuyến từ những trải nghiệm thực tế về giáo dục trực tuyến trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19 ở Việt Nam.

1.4. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài là học sinh THCS, THPT và phụ huynh trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

1.5. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt nội dung nghiên cứu, nhóm tập trung tìm hiểu nhận thức của học sinh THCS, THPT và phụ huynh về học tập trực tuyến trên cơ sở những trải nghiệm thực tế mà họ có được với vai trò là người học và phụ huynh trong thời gian đại dịch Covid-19. Đồng thời, nhóm cũng tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng nhận thức này.

Về mặt không gian nghiên cứu, đề tài được tiến hành khảo sát chủ yếu ở các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Tuy nhiên, do hạn chế thời gian cũng như tình hình dịch vẫn chưa ổn định nên nhóm thực hiện đề tài chỉ khảo sát trên mẫu các học sinh THCS, THPT và phụ huynh.

Về mặt thời gian nghiên cứu, nhóm tìm hiểu nhận thức về học tập trực tuyến của học sinh và phụ huynh mà được hình thành ở thời điểm thực hiện nghiên cứu, sau khi trải qua một thời gian trải nghiệm thực tế về học tập trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19.

1.6. Ý nghĩa nghiên cứu

Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu đề tài góp phần xây dựng hệ thống tri thức về dạy và học trực tuyến. Bên cạnh đó, đề tài cũng giúp đa dạng hóa nguồn tài liệu về giáo dục trực tuyến để các sinh viên, giáo viên và các nhà nghiên cứu quan tâm có thể tìm hiểu và mở rộng.

Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu đề tài có thể áp dụng vào công việc để suất những phương pháp để cải tiến chất lượng của phương thức dạy học trực tuyến. Từ đó, hiệu quả và chất lượng của cách học trực tuyến sẽ đảm bảo được nhu cầu giáo dục của nhà trường và gia đình.

1.7. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng, cụ thể là phương pháp điều tra xã hội, với phương pháp nghiên cứu định tính, cụ thể là phương pháp phỏng vấn sâu.

- Phương pháp thu thập dữ liệu

Để thực hiện đề tài này, nhóm nghiên cứu đã sử dụng ba phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm thu thập dữ liệu thứ cấp, phương pháp điều tra xã hội dùng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu định tính.

Dựa vào thống kê tổng số học sinh từ Phòng và Sở Giáo Dục và Đào Tạo Lâm Đồng năm học 2021 – 2022, tổng số học sinh các trường nhóm thực hiện nghiên cứu lựa chọn để tham gia khảo sát là 8896 em học sinh trường THCS và 5827 em học sinh trường THPT. Trong đó, có 1857 em học sinh lớp 6, có 2366 em học sinh lớp 7, có 2345 em học sinh lớp 8, có 2319 em học sinh lớp 9, có 1247 em học sinh lớp 10, có 1869 em học sinh lớp 11 và có 1984 em học sinh lớp 12.

Từ kích thước tổng thể, tính kích thước mẫu theo công thức¹:

$$n = \left[\frac{1}{N} + \frac{N-1}{N} \cdot \frac{1}{p(1-p)} \left(\frac{e}{z_{1-\frac{\alpha}{2}}} \right)^2 \right]^{-1}$$

trong đó: n là kích thước mẫu, N là kích thước tổng thể, z là giá trị phân phối hai bên ứng với độ tin cậy lựa chọn, e là sai số chọn mẫu cho phép và p là tỷ lệ trong tổng thể của biến nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này, tác giả chọn $z = 1,96$ (ứng với $\alpha = 95\%$), $e = \approx 10\%$, $p = 0,5$ và $N = 14723$, tính được kích thước mẫu điều tra $n \approx 400$. Dùng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng ta được cơ cấu mẫu như sau:

Trường THCS	Tổng	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Trường THCS Lam Sơn	46	9	12	13	12
Trường THCS Nguyễn Du	73	15	20	19	19
Trường THCS Quang Trung	61	12	16	15	18
Trường THCS & THPT Đồng Đa	26	7	6	7	6
Trường THCS & THPT Tây Sơn	36	8	10	10	8
	242	51	64	64	63
Trường THPT	Tổng	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
Trường PTDTNT THPT tỉnh Lâm Đồng	12	4	4	4	
Trường THPT Chuyên Thăng Long – Đà Lạt	23	8	8	7	
Trường THPT Trần Phú	48	17	14	17	

Trường THPT Bùi Thị Xuân	49	17	15	17	
Trường THCS & THPT Tây Sơn	26	8	10	8	
	158	54	51	53	

Bảng 1: Cơ cấu lấy mẫu

Các thành viên trong nhóm nghiên cứu đã thực hiện bảng câu hỏi cho học sinh cấp THCS, THPT và phụ huynh ở các trường trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Tuy nhiên, do sự giới hạn về thời gian cũng như nhân lực, các trường THCS, THPT tham gia khảo sát bao gồm: Trường THCS Lam Sơn, Trường THCS Nguyễn Du, Trường THCS & THPT Đồng Đa, Trường THCS & THPT Tây Sơn, Trường PTDTNT tỉnh Lâm Đồng, Trường THPT Chuyên Thăng Long, Trường THPT Trần Phú và Trường THPT Bùi Thị Xuân. Trong đó, có 365 học sinh và 350 phụ huynh tham gia trả lời khảo sát. Từ đó, nhóm nghiên cứu sẽ rút ra những đánh giá về vấn đề nhận thức của học sinh và phụ huynh về trải nghiệm thực tế học trực tuyến.

Dựa trên cơ cấu mẫu này, tác giả thực hiện hai cuộc điều tra xã hội dùng bảng hỏi. Cuộc điều tra thứ nhất thực hiện trên khách thể là học sinh ở các trường THCS, THPT đã được lựa chọn để tham gia khảo sát. Cuộc điều tra thứ hai thực hiện trên khách thể là phụ huynh của các em học sinh ở các trường THCS, THPT đã được lựa chọn để tham gia khảo sát.

Cuộc điều tra thứ nhất được tiến hành bằng cách chọn ngẫu nhiên số lượng các em học sinh theo bảng cơ cấu mẫu để trả lời bảng hỏi đã được thiết kế dùng cho nghiên cứu. Cuộc điều tra thứ 2 được tiến hành bằng cách chọn ngẫu nhiên phụ huynh học sinh ở các trường THCS, THPT được chọn để trả lời khảo sát theo số lượng trong bảng cơ cấu mẫu.

Để thực hiện phỏng vấn sâu định tính, các khách thể nghiên cứu được chọn bao gồm: 2 em học sinh, trong đó, 1 em học sinh trường THCS và 1 em học sinh trường THPT và 2 phụ huynh, trong đó, 1 phụ huynh có con, em là học sinh trường THCS và 1 phụ huynh có con, em là học sinh trường THPT. Tác giả là người thực hiện phỏng vấn trực tiếp và loại hình phỏng vấn được dùng là phỏng vấn sâu bán cấu trúc. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài trong khoảng từ 20 đến 45 phút.

- Về phương pháp xử lý số liệu:

Từ những phân tích và đánh giá từ con số qua kết quả thu được ở phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu thực hiện tổng hợp kết quả và xuất bảng dữ liệu qua phần mềm SPSS. Từ đó, có thể rút ra được những kết quả có giá trị cho đề tài.

1.8. Giả thuyết nghiên cứu

Các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra cho đề tài là:

- Học sinh các trường THCS và THPT cảm thấy khó khăn hơn trong việc tiếp thu kiến thức mới khi học trực tuyến hơn so với học trực tiếp.
- Học sinh các trường THCS sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình học trực tuyến hơn học sinh các trường THPT.
- Sự giúp đỡ của phụ huynh có tác động tích cực cho con em mình trong quá trình học trực tuyến.

1.9. Cấu trúc báo cáo nghiên cứu

- Mở đầu
- Chương 1 – Tổng quan lý luận
- Chương 2 – Nhận thức học sinh về học tập trực tuyến từ trải nghiệm thực tế
- Chương 3 – Nhận thức phụ huynh về học tập trực tuyến từ trải nghiệm thực tế
- Kết quả, kiến nghị

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN LÝ LUẬN

1.1. Những khái niệm công cụ

1.1.1. Nhận thức

Theo Trần Tuấn Lộ (2016), nhận thức là những quá trình tâm lý nhằm mục đích đem lại cho chủ thể sự hiểu biết về những sự vật và hiện tượng trong môi trường chung quanh và về bản thân mình. Tác giả này cho rằng có hai loại nhận thức là nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Nhận thức cảm tính là nhận thức mà kết quả của nó chỉ là những cảm giác và tri giác về cái bề ngoài của sự vật hay hiện tượng. Nhận thức lý tính là nhận thức bằng tư duy hoặc bằng tưởng tượng để có hiểu biết về bản chất và quy luật của sự vật hay hiện tượng sau khi đã có nhận thức cảm tính đối với sự vật hay hiện tượng đó.

Theo Nguyễn Thị Hồng Vân (2013), nhận thức là quá trình phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy con người trên cơ sở của thực tiễn – xã hội. Giống như Trần Tuấn Lộ (2016), tác giả này cũng cho rằng nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai giai đoạn khác nhau của cùng một quá trình nhận thức thống nhất. Bên cạnh đó, tác giả này còn phân loại nhận thức thành nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận, xem chúng là hai trình độ khác nhau của nhận thức. Nhận thức kinh nghiệm là loại nhận thức chủ yếu thu nhận được từ quan sát và thí nghiệm, nó tạo thành tri thức kinh nghiệm. Tri thức kinh nghiệm nảy sinh một cách trực tiếp từ thực tiễn - từ lao động sản xuất, đấu tranh xã hội hoặc thí nghiệm khoa học. Còn nhận thức lý luận là loại nhận thức gián tiếp, trừu tượng và khái quát về bản chất và quy luật của các sự vật hiện tượng khách quan. Nhận thức lý luận được hình thành từ kinh nghiệm, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm.

Nhu cầu nhận thức có mối tương quan chặt chẽ với nhu cầu học tập. Theo cách nói tổng quát nhất, việc học tập và luyện tập nhằm để hiểu biết, và tạo dựng các kỹ năng. Về mặt tâm lý học, học tập chính là một trong các đặc trưng của con người được điều khiển một cách tự giác để lĩnh hội các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cũng như những hình thức hành vi mới... Thêm vào đó, nhà trường chính là một phương pháp thúc đẩy hoạt động học tập. Học tập chính là một dạng nhận thức của con người. Cả hoạt động nhận thức và hoạt động học tập đều chính là điều kiện tất yếu cho sự phát triển của con

người, nhằm mục đích là phong phú hơn các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cho con người và đều là sự phát hiện ra những điều mới mẻ và khách quan đối với họ. Bên cạnh đó, mặc dù nhu cầu về nhận thức có nội dung và đối tượng phong phú hơn so với phạm vi nhu cầu học tập, thì nhu cầu nhận thức chính là nhu cầu đối với việc tiếp nhận đối tượng trong hoạt động học tập. (Phan, & Lê, 2020)

1.1.2. Giáo dục trực tuyến

Là hình thức đào tạo được chuẩn bị, truyền tải hoặc quản lý sử dụng nhiều công cụ của công nghệ thông tin, thông tin khác nhau ở mức cục bộ hay toàn cục (Means và cộng sự, 2009).

E-learning là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công nghệ điện tử hiện đại như máy tính, mạng vệ tinh, mạng Internet... Trong đó, nội dung học có thể thu được từ các website, đĩa CD, băng video, audio... thông qua một máy tính hay tivi; người dạy và người học có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: E-mail, thảo luận trực tuyến (chat), diễn đàn (forum), hội thảo video... (Atkins, 2016).

Theo tổng kết của Zandberg và Lewis (2008), có thể kể đến một số hình thức đào tạo E-learning phổ biến trên thế giới như sau:

Đào tạo dựa trên công nghệ (Technology-Based Training - TBT) là hình thức đào tạo có sự áp dụng công nghệ, đặc biệt là dựa trên công nghệ thông tin; đào tạo dựa trên máy tính (Computer-Based Training - CBT). Hiểu theo nghĩa rộng, thuật ngữ này nói đến bất kì một hình thức đào tạo nào có sử dụng máy tính nhưng thông thường, thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa hẹp để nói đến các ứng dụng (phần mềm) đào tạo trên các đĩa CD-ROM hoặc cài trên máy tính độc lập, không nối mạng, không có giao tiếp với thế giới bên ngoài. Thuật ngữ này được hiểu đồng nhất với thuật ngữ CD-ROM Based Training.

Đào tạo dựa trên web (Web-Based Training - WBT) là hình thức đào tạo sử dụng công nghệ web. Nội dung học, các thông tin quản lý khóa học, thông tin về người học được lưu trữ trên máy chủ và người học có thể dễ dàng truy cập thông qua trình duyệt web. Người học có thể giao tiếp với nhau và với giáo viên, sử dụng các chức năng trao đổi trực tiếp, diễn đàn, E-mail... thậm chí có thể nghe được giọng nói và nhìn thấy hình ảnh của người giao tiếp với mình.

Đào tạo trực tuyến (Online Learning/Training) là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc học, chẳng hạn như lấy tài liệu học, giao tiếp giữa

người học với nhau và với giáo viên... thông qua các công cụ kết nối như: máy tính, các thiết bị di động, ...

Đào tạo từ xa (Distance Learning) là thuật ngữ nói đến hình thức đào tạo trong đó người dạy và người học không ở cùng một chỗ, thậm chí không cùng một thời điểm, ví dụ như việc đào tạo sử dụng công nghệ cầu truyền hình hoặc công nghệ web.

Elanie Allen (2011) giáo dục trực tuyến dựa vào tỉ lệ phần trăm nội dung giảng dạy trực tuyến. Cụ thể, các khóa học trực tuyến là những khóa học trong đó ít nhất 80% nội dung khóa học được giảng dạy trực tuyến. Quan niệm này đồng nhất với quan niệm về giáo dục trực tuyến được nêu trong trang web của Cục Quản lý kỹ năng Úc thuộc Chính phủ Úc (<https://www.asqa.gov.au/>). Còn những khóa học có nội dung dạy học trực tuyến nằm trong khoảng từ 30% đến 79% được gọi là học tập kết hợp (Blended learning).

Tài liệu Hướng dẫn lập kế hoạch cho học tập kết hợp và trực tuyến của trường học ảo Michigan quan niệm đầy đủ hơn cả: Học trực tuyến là hình thức học tập với sự hướng dẫn của giáo viên chủ yếu thông qua Internet, bao gồm các phần mềm để cung cấp môi trường học tập có cấu trúc và ở đó, học sinh (HS) và GV tách biệt nhau về mặt địa lý. Nó có thể là đồng bộ hoặc không đồng bộ, người dùng có thể truy cập từ nhiều không gian khác nhau.

Tại Việt Nam, do bệnh dịch covid-19 kéo dài, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ với phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng việc học” đã triển khai cách tiếp cận các kiến thức, các thầy cô qua môi trường mạng đối với học sinh các cấp. Ngoài ra bộ trưởng còn nhận định: “Dạy học từ xa đã được triển khai từ lâu nhưng làm bài bản, rộng khắp thì đây là lần đầu tiên làm được. Mặc dù vừa qua là giai đoạn khó khăn đối với ngành Giáo dục nhưng cũng chưa bao giờ lại có cơ hội như vừa rồi để ứng dụng công nghệ trong dạy và học”

"Ngành Giáo dục coi đây là cơ hội để quyết tâm đẩy nhanh chuyển đổi số. Quá trình triển khai dạy và học trực tuyến vừa qua khẳng định ngành Giáo dục có nhiều tiềm năng, thế mạnh để tiên phong ứng dụng công nghệ. Đồng thời, khẳng định phương thức dạy học trực tuyến không chỉ là giải pháp tạm thời trong mùa dịch mà còn là giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục từ mầm non đến đại học; qua đó giải phóng năng lượng lớn cho giáo viên, giảm tải các thủ tục hành chính, nhiều kiến thức, kinh nghiệm được chia sẻ, nâng lên" - Bộ trưởng nói.

1.1.3. Học tập trực tuyến

Là một phương thức học tập bằng truyền thông thông qua mạng Internet theo cách tương tác với nội dung học tập và được thiết kế trên nền tảng phương pháp dạy học và được quản lý bởi các hệ thống quản lý học tập nhằm đảm bảo sự tương tác, hợp tác đáp ứng nhu cầu học mọi lúc, mọi nơi của người học. Phương pháp học tập này đáp ứng cho nhu cầu học tập, tích lũy kiến thức cho tất cả mọi người, đồng thời sẽ đem lại những lợi ích to lớn, tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời cũng nâng cao chất lượng truyền đạt và tiếp thu kiến thức cho học viên. Chính vì những ưu điểm, lợi ích mà đào tạo E-Learning mang lại và cũng là xu thế chung trong tương lai nên các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học đang không ngừng tìm cách tiếp cận thị trường này (Gurmak Singh và cộng sự, 2005).

Internet và khả năng tiếp cận của công nghệ đã tạo ra một sự đột biến trong nhu cầu về giảng dạy dựa trên Internet (Chaney, 2001). Học tập từ xa là một môi trường mở rộng cho phép người dùng hoạt động linh hoạt bất chấp thời gian và địa điểm (Chaney, 2001). Học trực tuyến có thể được định nghĩa là “học tập diễn ra một phần hoặc hoàn toàn qua Internet” (Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, 2010).

Môi trường học tập trực tuyến có thể được phân loại thành 3 nhóm chính: nhóm thứ nhất là học hoàn toàn trên Internet; nhóm thứ hai là kết hợp học trực tiếp và trực tuyến; nhóm thứ ba là học theo cách truyền thống và có hỗ trợ trực tuyến. Khóa học trực tuyến hoàn toàn trên Internet là khóa học không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên mà tất cả các khía cạnh của khóa học được tiến hành trong một môi trường học tập trực tuyến.

“Học trực tuyến” đề cập môi trường giảng dạy thông qua mạng Internet, bao gồm một loạt các chương trình sử dụng Internet trong và ngoài trường để cung cấp truy cập vào tài liệu giảng dạy cũng như tạo điều kiện tương tác giữa các giáo viên và học sinh. Học trực tuyến có thể được thực hiện hoàn toàn trực tuyến hoặc kết hợp tương tác trực tiếp. Đây hoàn toàn là một hình thức giáo dục từ xa, trong đó tất cả các hướng dẫn và đánh giá được thực hiện bằng cách sử dụng trực tuyến (Picciano và Seaman 2009; Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, 2007). Mọi hướng dẫn của GV và các nguồn tài liệu được thiết kế để chỉ đạo trực tuyến mà không có sự hiện diện của GV.

Tại Việt Nam, theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh từ 1129 trường của 3 trường THPT, tỷ lệ học sinh tham gia học trực tuyến bình quân

đạt trên 98,4%, trong đó, chưa bao gồm học sinh ở các tỉnh chưa trở lại các thành phố. Hình thức tổ chức học trực tuyến được điều chỉnh phù hợp với từng lớp học, phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt chú ý đến đối tượng học sinh ngoại tỉnh về thành phố, học sinh vùng sâu, vùng xa, học sinh chưa có mạng thiết bị học tập.

Đến nay, học sinh đã quen với việc học trực tuyến và có ý thức hơn trong việc tham gia vào lớp học, tương tác tốt với giáo viên và rèn luyện các kỹ năng học tập mới. Còn đối với học sinh tiểu học, một số em còn gặp khó khăn khi sử dụng phần mềm học trực tuyến. Bản thân phụ huynh - những gia sư bất đắc dĩ - cũng giúp đỡ và phối hợp với giáo viên trong việc hướng dẫn trẻ thông qua các hoạt động học tập. Nhìn chung, hầu hết các bậc cha mẹ đã thích nghi với vai trò này và đã giúp con cái của họ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập của mình. Đặc biệt đối với học sinh phổ thông, học trực tuyến ít nhiều đã rèn luyện cho các em tính chủ động, tự giác, tư duy và làm việc độc lập, có tinh thần học hỏi, tìm tòi, có thêm kỹ năng thao tác với máy tính và các thiết bị điện tử. và internet. Có hiện tượng “đổi phó” trong quá trình học, nhưng nhìn chung, học trực tuyến đã mang lại cho các em những trải nghiệm cần thiết, đặc biệt là việc làm quen dần với môi trường công nghệ nói chung là tiếp cận với cuộc cách mạng 4.0 (Phan, 2021)

1.1.4. Dịch Covid

Đại dịch virus corona (COVID-19) đang lan truyền một cách nhanh chóng. Cũng như tất cả các lĩnh vực khác, giáo dục ở tất cả các cấp đều bị ảnh hưởng. Theo tổ chức UNESCO, tính đến ngày 8/4/2020, trên thế giới có gần 1,6 tỉ học sinh và sinh viên bị ảnh hưởng; 188 quốc gia buộc phải đóng cửa các trường học trên toàn quốc, gây tác động đến 91,3% tổng số học sinh, sinh viên trên toàn thế giới. Việc đóng cửa đột ngột các trường học, cao đẳng, và đại học đã làm gián đoạn các hoạt động giảng dạy và học tập.

Theo WHO định nghĩa COVID-19 là bệnh truyền nhiễm và vi-rút SARS-CoV-2 là tác nhân gây bệnh. Phần lớn sẽ mắc các triệu chứng liên quan đến bệnh về đường hô hấp và có khả năng phục hồi mà không cần sự chăm sóc đặc biệt. Một số có khả năng bị biến chứng nặng và cần sự chăm sóc đặc biệt. Đặc biệt là những người mắc bệnh nền (bệnh tim, tiểu đường, bệnh hô hấp hoặc ung thư). Bất cứ ai cũng có khả năng mắc bệnh nặng và có nguy cơ tử vong ở bất kỳ độ tuổi nào.

1.2. Lý thuyết về nhận thức

Lý thuyết về nhận thức: có hai loại lý thuyết về nhận thức bottom-up và top-down.

Lý thuyết nhận thức bottom-up: thông tin nhận được thông qua các giác quan đóng vai trò chủ chốt để hình thành nhận thức. Khi chúng ta nghĩ về một cái cây, các giác quan sẽ gọi lại những thông tin cơ bản về cái cây (Cây có màu gì? Cảm giác khi chạm vào cái cây như thế nào? Hương thơm hay mùi của cây đó như thế nào?) Sau đó, sẽ hình thành thêm những thông tin mới phức tạp hơn để định nghĩa một cái cây càng ngày càng cụ thể hơn. Gibson nhận định rằng lượng thông tin nhận được thông qua các giác quan là quá trình giải thích những thông tin sẵn có. Tất cả những thông tin cần thiết đều được nhận thức thông qua mắt là chủ yếu.

Lý thuyết nhận thức top-down: quá trình nhận thức là sự kết hợp giữa sự phân biệt và góc nhìn cá nhân về một vật xác định. Theo lý thuyết này, sự nhận thức không cần có sự trải nghiệm hay hiểu biết trước đó. Greory lại cho rằng quá trình nhận thức này là nhìn nhận lại cảm xúc cá nhân và chính những cảm xúc này chi phối niềm tin và quan điểm.

1.3. Giáo dục trực tuyến

1.3.1. Lịch sử phát triển

Giữa những năm 1970, những giáo viên đã bắt đầu sử dụng e-mail và máy tính đáp ứng cho môi trường giáo dục và trở thành công cụ giúp giáo viên và học sinh xóa bỏ những rào cản trước đó (khoảng cách địa lý, giới hạn thời gian, phương pháp giảng dạy truyền thống).

Khi thời đại bình thường mới bắt đầu, con người phải sống chung với hệ quả do dịch mang lại dẫn đến sự chuyển hóa trong hệ thống giáo dục cùng với sự lên ngôi của công nghệ thông tin trong kỉ nguyên số. Một điều bắt buộc mới là học tập trực tuyến trở thành bắt buộc với công tác giáo dục. Hệ thống giáo dục đại học bắt buộc phải có đủ nguồn nhân lực có trang bị kiến thức công nghệ thông tin để đủ khả năng tiếp tục công tác giảng dạy.

1.3.2. Ứng dụng trước và trong Covid

Trước dịch COVID-19 diễn ra, thị trường giáo dục trực tuyến dự đoán có giá trị 350 tỉ đô-la vào năm 2025 và con số đó có thể thay đổi sau những ảnh hưởng của dịch xảy ra (theo Research and Markets forecasts). Các nền tảng giáo dục trực tuyến như là Udemy, Coursera, Lynda, Skillshare, Udacity...

Kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, giáo dục trực tuyến trở thành một phần thiết yếu của cuộc sống. Lý do cho một lượng lớn nhu cầu, tốc độ phát triển nhanh chóng của thị trường với rất nhiều sự lựa chọn về nền tảng công nghệ phù hợp là để bắt kịp xu hướng thế giới. Trong tương lai, giáo dục trực tuyến sẽ thay thế lớp học truyền thống. Với nền tảng trên thiết bị di động cho phép mọi người truy cập học tập trực tuyến, tạo ra tập tin và cá nhân hóa các vấn đề mà người học có thể gặp.

1.4. Học tập trực tuyến

1.4.1. Đặc điểm

Việc học tập trực tuyến cũng có những đặc điểm riêng biệt, khác với các học tập truyền thống.

Về mục tiêu hướng đến, ngoài việc hướng đến mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng giống như học tập trực tiếp, E-learning hay học tập trực tuyến còn chú trọng nhằm tới hình thành cho người học năng lực sáng tạo, dạy cho người học kỹ thuật và phương pháp lao động khoa học. Bên cạnh đó, nội dung phương pháp học tập trực tuyến đa dạng hơn học tập trực tiếp, điều vốn tập trung vào nội dung trong sách giáo khoa. E-learning còn có kiến thức từ những tài liệu khoa học, các thí nghiệm, trải nghiệm thực tế, vốn hiểu biết và nhu cầu kinh nghiệm của học sinh, những vấn đề học viên yêu cầu cần thiết với tình huống thực tế. Ngoài ra, môi trường học tập trực tuyến cũng đa dạng không kém phần nội dung, với sự tiếp cận với một môi trường ảo phong phú và mang nhiều tiềm năng sáng tạo hơn. (Minh Tâm, 2017)

Theo Đinh Xuân Thanh (2020), học trực tuyến đóng vai trò của người học làm trung tâm và chủ động của quá trình đào tạo, có thể học mọi lúc, mọi nơi nhờ có phương tiện trợ giúp người học. Học tập trực tuyến sẽ có sức lôi cuốn rất nhiều người học kể cả những người trước đây chưa bao giờ bị hấp dẫn bởi lối giáo dục kiểu cũ và rất phù hợp với hoàn cảnh của những người đang đi làm nhưng vẫn muốn nâng cao trình độ. Các chương trình đào tạo từ xa trên thế giới hiện nay đã đạt đến trình độ phong phú về giao diện, sử dụng rất nhiều hiệu ứng đa phương tiện, có độ tương tác cao giữa người sử dụng và chương trình, đàm thoại trực tiếp qua mạng.

1.4.2. Công cụ

Để hỗ trợ cho trải nghiệm học tập trực tuyến được tốt nhất, những công cụ kỹ thuật hay phần mềm máy tính đóng vai trò không hề nhỏ. Ngoài sự hỗ trợ của những thiết bị kỹ thuật như máy tính, webcam, microphone, kết nối mạng... thì sự đóng góp

của những phần mềm được lập trình trên máy tính cho mục đích dạy và học online rất là quan trọng.

Phần mềm học trực tuyến là nền tảng cung cấp tài liệu học tập cho người học. Người dùng có thể sử dụng phần mềm để học trực tuyến và sử dụng nhiều công cụ khác như quản lý lớp học, xây dựng kho tài liệu, đăng ký khóa học, tham gia khóa học online, nhận các bài kiểm tra... (VNPT, 2021)

Trong đó, có những phần mềm có tiềm năng giúp học trực tuyến phát triển và đặc biệt là đang ngày càng phổ biến do tình hình nhu cầu dạy và học trực tuyến càng ngày càng cao và do tình trạng dịch bệnh.

Padlet: cho phép tạo ra các bảng tài liệu và các trang web nơi SV có thể đăng nội dung tương tác khác, nó cung cấp một môi trường học tập có kiểm soát giúp cho GV dễ dàng quản lý bài viết của SV. (Phạm Thị Vân Anh, 2020)

Zoom: Đây là công cụ phổ biến hỗ trợ hiệu quả cho GV và SV có cuộc họp trực tuyến, zoom là công cụ hữu ích cho GV và SV cảm thấy như trong 1 lớp học thật sự. (Phạm Thị Vân Anh, 2020)

Google classroom, giúp tổ chức 1 lớp học thông qua sự hỗ trợ tính năng quan trọng, giao tiếp, giao bài tập, lưu trữ. Hệ thống bình luận tuyệt vời, dễ dàng sử dụng và có thể truy cập từ tất cả các thiết bị. Giao diện thân thiện với người dùng.

Quizizz, có giao diện thân thiện, phù hợp tạo nên những cuộc thi, đồ mang tính giáo dục. Phần mềm này có thể được sử dụng ở tất cả các thiết bị kết nối mạng. Được dùng để phục vụ trong trường, trong công ty với nhiều công cụ phong phú.

1.5. Nhận thức về học tập trực tuyến

1.5.1 Nhận thức của giáo viên

Dữ liệu phân tích cho thấy giáo viên có một cái nhìn tích cực về tính hữu ích và sự thoải mái sử dụng của hệ thống trực tuyến trong suốt đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, chất lượng tương tác giữa giáo viên và học sinh còn là một vấn đề.

Ngoài ra, các giáo viên có thái độ tốt về tác dụng của công nghệ trong giảng dạy trực tuyến trong đại dịch. Ý định của các giáo viên sử dụng công nghệ trong giảng dạy trực tuyến và áp dụng lâu dài được đề cập nhiều. (Retno Puji Rahaya, Yanty Wirza, 2020)

1.5.2. Nhận thức của học sinh

Zakaryaia, Khaled và Mohammad (2021) cho rằng học sinh học trực tuyến phải đối mặt với nhiều thử thách trong quá trình thích ứng với các khóa học online và sự

thiếu tương tác giữa giảng viên và học viên. Bên cạnh đó, học tập trực tuyến đã tạo cơ hội để hướng về cách giáo dục lấy học sinh làm trung tâm, và họ có thể linh hoạt hơn trong những cuộc khủng hoảng, ví dụ như đại dịch Covid-19.

1.5.3. Nhận thức của phụ huynh

Còn về tình hình học trực tuyến ở Hà Nội, một gia đình có con học lớp 1, phải ở nhà do dịch COVID-19 khiến cuộc sống của gia đình chị Vũ Nam Phương gần như xáo trộn. Trong thời gian này, vợ chồng chị phải thay nhau xin nghỉ trông con và giám sát học trực tuyến. Nhiều hôm chị phải gửi con nhờ nhà hàng xóm hoặc thuê người giúp việc để đi làm. Chị mong dịch COVID-19 tại Hà Nội sớm được kiểm soát và con có thể trở lại trường trong tháng 3.

1.6. Những yếu tố tác động đến động cơ (học trực tuyến)

Phần lớn của thế giới đang bị kiểm dịch do sự bùng phát nghiêm trọng của dịch bệnh này, đại dịch toàn cầu Covid-19, và do đó nhiều thành phố đã trở nên vắng vẻ và ảnh hưởng của nó cũng có thể được nhìn thấy trong các trường học, cao đẳng và đại học. Biết tất cả việc giảng dạy trực tuyến và học trực tuyến này có thể được gọi là thuốc chữa bách bệnh cho cuộc khủng hoảng. Virus Corona đã khiến các tổ chức chuyển từ chế độ ngoại tuyến sang trực tuyến phương thức sư phạm. Cuộc khủng hoảng này sẽ làm cho các tổ chức, trước đó miễn cưỡng thay đổi, chấp nhận công nghệ hiện đại. Thảm họa này sẽ hiển thị chúng ta là khía cạnh sinh lợi của việc dạy và học trực tuyến. Với sự trợ giúp của phương thức giảng dạy trực tuyến, chúng ta có thể giảng dạy một số lượng lớn sinh viên bất cứ lúc nào và ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Tất cả các tổ chức phải tranh giành các lựa chọn khác nhau của phương pháp sư phạm trực tuyến và cố gắng sử dụng công nghệ một cách khéo léo hơn. Nhiều trường đại học trên khắp thế giới đã hoàn toàn kỹ thuật số hóa các hoạt động của họ khi hiểu được nhu cầu của tình hình hiện tại này. Học tập trực tuyến đang nổi lên như một chiến thắng giữa sự hỗn loạn này. Do đó, việc nâng cao chất lượng dạy – học trực tuyến đang là rất quan trọng ở giai đoạn này. Giáo dục trực tuyến ở các trường đại học Trung Quốc đã tăng lên theo cấp số nhân sau khi bùng phát Covid-19. Đã có một sự thay đổi đáng kể, các phòng học bình thường trở thành phòng học điện tử, tức là các nhà giáo dục đã chuyển toàn bộ cách tiếp cận sư phạm để giải quyết các điều kiện thị trường mới và thích ứng với các tình huống thay đổi.

Ở Việt Nam, dạy học trực tuyến mới chỉ bắt đầu phát triển một số năm gần đây, đồng thời với việc kết nối Internet băng thông rộng được triển khai mạnh mẽ tới tất cả các trường học. Tuy nhiên, dạy học trực tuyến ở các trường đại học ở Việt Nam trước đại dịch Covid-19 còn diễn ra ở quy mô nhỏ, mang tính chất thử nghiệm. Có thể nói, đại dịch Covid-19 là cơ hội cho việc sử dụng hình thức dạy học trực tuyến, chuyển đổi số trong giáo dục ở Việt Nam nói chung và các trường đại học nói riêng.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh học với sự đột phá của Internet vạn vật và Trí tuệ nhân tạo mà đặc điểm là tận dụng một cách triệt để sức mạnh lan tỏa của số hóa. Thực tế này mở ra những cơ hội và cả thách thức rất lớn cho các cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong thời kì công nghệ số.

Giáo dục trực tuyến mang nhiều ưu điểm vượt trội trong đào tạo đã làm thay đổi mạnh mẽ quá trình tự học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Giáo dục trực tuyến và xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đang được quan tâm chú ý và đưa vào triển khai trong nhiều trường đại học, các cơ sở đào tạo ở Việt Nam với phạm vi, mức độ khác nhau.

Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung dạy học trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học; người học có thể khai thác nội dung học tập trực tuyến từ thiết bị di động, thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), hay học tập trong mô hình “trường học ảo” ở bất kì đâu, bất kì lúc nào khi công nghệ truyền thông được kết nối, đặc biệt với nền tảng công nghệ của CMCN 4.0 đang bùng nổ hiện nay là xu thế tất yếu trong giáo dục hiện đại.

Trước những tác động tiềm năng của CMCN 4.0, để làm tốt vai trò của ngành GD&ĐT - là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho nền kinh tế đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa càng sâu rộng như hiện nay, trong một số lĩnh vực nhất định, khi mà lao động có thể di chuyển giữa các nước theo những cam kết của cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC), GD&ĐT Việt Nam cần có những chính sách quyết liệt và mạnh mẽ hơn. Nền tảng của CMCN 4.0 là sự kết nối giữa thế giới thật và ảo thông qua phần mềm CNTT, kĩ thuật số và kết nối mạng, do vậy kiến thức và kĩ năng về CNTT và kĩ thuật số có vai trò rất quan trọng đối với nhà thiết kế bài học và người học trong GD&ĐT. Các cơ sở giáo dục đang đối diện với nhiều cơ hội và thách

thức của cách mạng số. Đó là vì cơ sở giáo dục phải thực hiện nhiều chức năng khác nhau: dạy học, nghiên cứu và dịch vụ giáo dục đều bị tác động bởi công nghệ số có sẵn để sử dụng.

Với những điện toán đám mây (Cloud Computing), công nghệ số kết nối toàn cầu và giao tiếp trong không gian rộng và thời gian đa chiều, bởi trong thế giới “ảo” được hiện thực hóa rất gần và hữu ích với việc học và là điều kiện thuận lợi cho phương thức học tập hướng đến người học mà giáo dục trực tuyến là một mô hình phù hợp. Trong xã hội dựa trên tri thức và số hóa, giáo dục phải đương đầu với thách thức to lớn chuyển từ học truyền thống sang đổi mới phương pháp học. Nó đặt ra yêu cầu lớn biến đổi vai trò người dạy truyền thụ kiến thức theo cách truyền thống sang vai trò xúc tác và điều phối. Sự biến đổi này buộc người dạy đổi diện với nhiệm vụ mới một cách linh hoạt hơn và cần được đào tạo bồi dưỡng lại cho các nhiệm vụ rất mới mẻ này. Vai trò người dạy đã và đang tiếp tục thay đổi từ địa vị người dạy sang người thiết kế, cố vấn, huấn luyện và tạo ra môi trường học tập.

1.7. Những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong quá trình học trực tuyến

1.7.1 Thuận lợi

Lợi ích thứ nhất đó là học tập trực tuyến có sức hấp dẫn với nhiều sinh viên do nguồn kiến thức dồi dào đa dạng mà các lớp học truyền thống không đáp ứng được. Nhu cầu về các khóa học trực tuyến bắt nguồn từ nhu cầu “để cung cấp giáo dục chất lượng cho tất cả học sinh, bất kể vị trí và thời gian” (Chaney, 2001, tr 21).

Học trực tuyến có khả năng tạo ra cơ hội giáo dục cho tất cả các cá nhân mà lớp học truyền thống có thể không làm được. Ngoài ra, các khóa học trực tuyến sẽ có lợi cho những SV có khả năng tự quản lý việc học (You & Kang, 2014). Các học viên tự quản có khuynh hướng sử dụng nhiều chiến lược nhận thức và đa dạng để đạt được mục tiêu. “(You & Kang, 2014, tr 126).

Những học viên có thể trau dồi được những kỹ năng tự quản lý của họ thường xuyên sử dụng thời gian, xem xét lại tài liệu thường xuyên, tìm kiếm sự giúp đỡ từ các giáo sư hoặc đồng nghiệp, và có kỹ năng của siêu nhận thức để suy ngẫm về việc học tập của riêng họ (You & Kang, 2014). Bên cạnh đó, lợi ích của các khóa học trực tuyến là sự linh hoạt, cho phép người học làm việc tại một thời gian và một nơi thích hợp với nhu cầu học tập của họ. Một số GV và SV đưa ra nhận xét rằng họ có khả năng tập trung nhiều hơn về nội dung của khóa học và ít hơn về các vấn đề như đậu

xe, giao thông, và các vấn đề khác có thể phát sinh khi tham dự một môi trường lớp học truyền thống (Thomson, 2010).

1.7.2. Thách thức

Có một số nhược điểm và các vấn đề tiềm ẩn mà sinh viên có thể gặp phải khi tham gia vào việc học trực tuyến. Một yếu tố thường gặp là sự phát triển tính cộng đồng và tương tác được phát huy khá tốt trong bối cảnh lớp học truyền thống nhưng lại thiếu ở trong môi trường học tập trực tuyến. Nghiên cứu chỉ ra rằng một cuộc sống xã hội mạnh mẽ và tích cực trong khuôn viên trường học có thể được “sử dụng để giải thích cho độ bền vững và sự hài lòng học tập” (Rovai, et al., 2005, tr 4), do đó khóa học trực tuyến có khả năng chiếm ưu thế thấp là do thiếu tính cộng đồng và tính tương tác. Một nghiên cứu của Rovai, Wighting và Lui chỉ ra rằng “SV học trực tuyến cảm thấy thiếu tính kết nối hơn so với SV tham gia vào các lớp học trực tiếp ở trường” (Rovai et al., 2005, tr 4). Donlevy khẳng định chắc chắn rằng sự vắng mặt của tương tác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến một số khía cạnh của quá trình học tập. Hơn nữa, ông cũng giải thích rằng “các khía cạnh xã hội và cảm xúc trong quá trình học tập cũng quan trọng như công nghệ thông tin” (Donlevy, 2003, tr 120). Mặc dù một số nghiên cứu chỉ ra rằng việc thiếu tính cộng đồng là một sự thiếu hụt trong môi trường học tập trực tuyến, những nhà nghiên cứu khác cũng đã chỉ sự tương tác giữa SV với SV ít được quan tâm hơn so với sự tương tác giữa SV với GV và SV với nội dung học tập. Trong một nghiên cứu của Thomson, một người nghiên cứu quan sát thấy rằng nhiều SV mong muốn làm việc một cách độc lập và tại các giai đoạn khác nhau so với các bạn bè của họ, do đó SV không cần giao tiếp với các bạn cùng lớp (Thomson, 2010). Một GV khác nói rằng “học sinh đang tham gia các khóa học trực tuyến là vì nội dung học chứ không phải vì tương tác xã hội” (Thomson, 2010, tr 37) và sau đó đưa ra giả thuyết rằng “sự tương tác và hợp tác có giá trị đối với các học sinh nhỏ tuổi hơn” (Thomson, 2010, tr 37).

Một hạn chế nữa mà người học thường xuyên gặp đó là vấn đề về công nghệ. Công nghệ là một lĩnh vực có thể dễ dàng thực hiện khi nó được đưa vào cuộc sống hàng ngày, nhưng đối với nhiều người, công nghệ không phải là được sử dụng rộng rãi do thiếu các phương tiện để truy cập.

Duy trì động lực trong một khóa học trực tuyến là một thách thức mà người học trực tuyến phải đối mặt. Những SV thiếu tính độc lập và động lực học có tỉ lệ thành

công thấp hơn so với các bạn bè của họ (Savenye, 2005). Những học viên thiếu tính chủ động thường không có đủ thời gian để hoàn thành bài tập, do đó thường có chất lượng kém trong học tập và nộp bài muộn (You và Kang, 2014). Nhìn chung, “những học sinh thành công thường có niềm tin mạnh mẽ rằng họ sẽ thành công, có trách nhiệm cao hơn, có kỹ năng tự tổ chức tốt hơn, và kỹ năng tiếp cận công nghệ tốt hơn” (Savenye, 2005, tr 2). Sinh viên cũng phải có khả năng đánh giá các yếu tố động lực sẽ đóng góp vào việc tiếp tục duy trì việc học trong suốt thời gian của khóa học. Hiểu được phong cách học tập và hành vi tự chủ là điều cần thiết để quyết định những thành công trong một khóa học trực tuyến. Một trở ngại nữa mà người học phải vượt qua là sự vắng mặt của một GV ở một nơi nhất định và thời gian nhất định trong suốt thời gian của học kì.

CHƯƠNG 2: NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

Việt Nam đã và đang đối mặt với dịch bệnh Covid – 19 và nền giáo dục cũng bị ảnh hưởng rất nhiều. Học sinh ở hầu hết các trường học đều phải thay đổi việc học truyền thống sang hình thức trực tuyến. Do đó, bài nghiên cứu này nhằm phân tích nhận thức của phụ huynh và học sinh khi học online trong bối cảnh Covid – 19 tại địa bàn thành phố Đà Lạt để đưa ra cái nhìn về tác động của việc học trực tuyến.

2.1 Đặc điểm mẫu khảo sát học sinh

Khách thể nghiên cứu của đề tài bao gồm 2 nhóm. Nhóm thứ nhất là các học sinh ở các trường THCS và THPT. Nhóm thứ hai là những phụ huynh học sinh ở các trường THCS và THPT như bố hoặc mẹ hoặc ông bà nội/ngoại, họ hàng của học sinh.

Đặc điểm khách thể học sinh ở các trường THCS, THPT ứng với điều tra xã hội:

- Kích thước mẫu: 365 học sinh
- Về số lượng học sinh ở các trường thực hiện khảo sát: 12,6% học sinh học trường THCS Lam Sơn, 20% học sinh học trường THCS Nguyễn Du, 16,7 % học sinh học trường THCS Quang Trung, 5,2% học sinh học trường THCS&THPT Đồng Đa, 14% học sinh học ở trường THCS&THPT Tây Sơn, 3,3% học sinh học ở trường Dân tộc nội trú tỉnh Lâm Đồng, 13,2% học sinh học ở trường THPT Bùi Thị Xuân, 2,2% học sinh học ở trường THPT Chuyên Thăng Long, 12,9% học sinh học ở trường THPT Trần Phú. (Bảng 2.1)
- Về số lượng học sinh ở các khối lớp học: 12,6% học sinh học lớp 6, 17% học sinh học lớp 7, 16,4% học sinh học lớp 8, 15,1% học sinh học lớp 9, 12,9% học sinh học lớp 10, 12,6% học sinh học lớp 11, 13,4% học sinh học lớp 12. (Bảng 2.2)
- Về giới tính: 33,7% học sinh là nam, 66,3% học sinh là nữ. (Bảng 2.3)
- Về học lực: 8,8% học sinh xuất sắc, 48,2% học sinh giỏi, 31% học sinh khá, 10,7 học sinh trung bình, 1,4 học sinh yếu. (Bảng 2.4)
- Về khu vực sống: 55,6 học sinh sống ở trung tâm thành phố, 29% học sinh sống ở vùng ven trung tâm thành phố, 15,3% học sinh sống ở xa trung tâm thành phố. (Bảng 2.5)

	Số lượng	Phần trăm (%)
Lam Sơn	46	12,6
Nguyễn Du	73	20,0

Quang Trung	61	16,7
Đông Đa	19	5,2
Tây Sơn	51	14,0
Dân tộc nội trú	12	3,3
Bùi Thị Xuân	48	13,2
Thăng Long	8	2,2
Trần Phú	47	12,9
Tổng cộng	365	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tháng 3/2022)

Bảng 2.1: Trường học các học sinh được khảo sát đang học tập

	Số lượng	Phần trăm (%)
Lớp 6	46	12,6
Lớp 7	62	17,0
Lớp 8	60	16,4
Lớp 9	55	15,1
Lớp 10	47	12,9
Lớp 11	46	12,6
Lớp 12	49	13,4
Tổng cộng	365	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tháng 3/2022)

Bảng 2.2: Khối lớp các học sinh được khảo sát đang học tập

	Số lượng	Phần trăm (%)
Nam	123	33,7
Nữ	242	66,3
Tổng cộng	365	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tháng 3/2022)

Bảng 2.3: Giới tính các học sinh được khảo sát

	Số lượng	Phần trăm (%)
Xuất sắc	32	8,8
Giỏi	176	48,2
Khá	113	31,0
Trung bình	39	10,7
Yếu	5	1,4
Tổng cộng	365	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tháng 3/2022)

Bảng 2.4: Học lực của học sinh được khảo sát

	Số lượng	Phần trăm (%)
Trung tâm TP	203	55,6
Vùng ven trung tâm TP	106	29,0
Xa trung tâm TP	56	15,3

Tổng cộng	365	100,0
-----------	-----	-------

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tháng 3/2022)

Bảng 2.5: Khu vực sống của các học sinh được khảo sát

2.2. Bối cảnh và điều kiện học trực tuyến

- Bối cảnh học trực tuyến

Do tình hình dịch bệnh ở Việt Nam, đặc biệt ở thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng có những sự chuyển biến phức tạp tình hình dạy và học trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Theo khảo sát, hoàn cảnh học trực tuyến của hầu hết các em học sinh đều bắt đầu học thời gian dịch (52,9%). Bên cạnh đó, có rất ít các bạn đã từng học trực tuyến thời gian trước dịch.

	Số lượng	Phần trăm (%)
Đã từng học trước dịch	31	8,5
Mới học thời gian dịch	193	52,9
Học trước và trong dịch	141	38,6
Tổng cộng	365	100,0

Bảng 2.6: Hoàn cảnh học trực tuyến

	Số lượng	Phần trăm (%)
Dưới 6 tháng	165	45,2
Từ 6 đến 12 tháng	178	48,8
Trên 12 tháng	22	6,0
Tổng cộng	365	100,0

Bảng 2.7: Thời gian học trực tuyến

Từ đó, có thể rút được rằng việc học trực tuyến của các em học sinh chưa thực sự được trải nghiệm và có kinh nghiệm vì thời gian bắt đầu học còn mới. Bên cạnh đó, số học sinh mới học thời gian dịch chiếm hơn một nửa tổng số, tuy nhiên, thời gian học trực tuyến của các em được đánh giá trung bình khoảng 6 tháng, nên có thể rút ra được có rất ít số học sinh đã học trực tuyến trên 12 tháng. Do đó, kết quả nghiên cứu sẽ được xây dựng trên trải nghiệm mới mẻ của việc học tập trực tuyến từ các em.

- Điều kiện học trực tuyến

Để học trực tuyến, các em học sinh cần có những phương tiện phù hợp, trong đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát phương tiện thường sử dụng và phương tiện được sử dụng nhiều nhất.

	Không	Phần trăm (%)
Học trực tuyến bằng máy tính	279	76,4

Học trực tuyến bằng laptop	149	40,8
Học trực tuyến bằng máy tính bảng	318	87,1
Học trực tuyến bằng điện thoại	140	38,4

	Số lượng	Phần trăm (%)
Máy tính để bàn	56	15,3
Laptop	178	48,8
Máy tính bảng	21	5,8
Điện thoại	110	30,1
Tổng cộng	365	100,0

Bảng 3: Phương tiện dùng để học trực tuyến

Bảng 4: Phương tiện sử dụng nhiều nhất

Các em học sinh sử dụng đa dạng loại hình phương tiện học tập phù hợp nhất cho cá nhân, trong đó phổ biến nhất là laptop và điện thoại.

		Học trực tuyến bằng máy tính bàn	Học trực tuyến bằng laptop	Học trực tuyến bằng tablet	Học trực tuyến bằng điện thoại
		Có	Có	Có	Có
Lớp 6	Số lượng	8	28	7	29
	Tỉ lệ phần trăm	17,4%	60,9%	15,2%	63,0%
Lớp 7	Số lượng	24	35	8	27
	Tỉ lệ phần trăm	38,7%	56,5%	12,9%	43,5%
Lớp 8	Số lượng	20	33	11	31
	Tỉ lệ phần trăm	33,3%	55,0%	18,3%	51,7%
Lớp 9	Số lượng	10	33	6	35
	Tỉ lệ phần trăm	18,2%	60,0%	10,9%	63,6%
Lớp 10	Số lượng	11	30	5	30
	Tỉ lệ phần trăm	23,4%	63,8%	10,6%	63,8%
Lớp 11	Số lượng	5	29	3	33
	Tỉ lệ phần trăm	10,9%	63,0%	6,5%	71,7%
Lớp 12	Số lượng	8	28	7	40
	Tỉ lệ phần trăm	16,3%	57,1%	14,3%	81,6%

Bảng 4.1: Học sinh các khối lớp sử dụng thiết bị để học tập trực tuyến

Đa số học sinh học trực tuyến chủ yếu bằng laptop và điện thoại, phần lớn học sinh cấp 2 cấp 3 đã được gia đình trang bị điện thoại cá nhân từ khá sớm nên các em sử dụng điện thoại để học trực tuyến chiếm phần lớn (61,6%) theo sau đó là sử dụng laptop lên tới 60% và tablet là thiết bị được sử dụng ít nhất (12,9%).

Trong đó, học sinh các khối lớp sử dụng chủ yếu bằng laptop và điện thoại vẫn chiếm tỉ lệ cao. Đáng chú ý là tỉ lệ học sinh cấp 3 sử dụng điện thoại cao hơn hẳn tỷ lệ học sinh cấp 2, đặc biệt là lớp 12 trên 80% học sinh sử dụng điện thoại để học trực tuyến.

Tỷ lệ lần lượt từ lớp 10, 11 và 12 là 63,8%, 71,7% và 81,6%. Trong khi đó, cấp 2 chỉ từ 43,5% đến 63,6%. Để lý giải cho điều này thì phụ huynh học sinh cấp 2 vẫn lo ngại về vấn đề tự giác trong học tập của các em nên thời hạn sử dụng điện thoại vẫn còn hạn chế so với học sinh cấp 3.

	Học trực tuyến bằng máy tính bàn	Học trực tuyến bằng laptop	Học trực tuyến bằng tablet	Học trực tuyến bằng điện thoại
	Có	Có	Có	Có
Trung tâm thành phố	54 26,6%	125 61,6%	28 13,8%	126 62,1%
Vùng ven trung tâm thành phố	19 17,9%	63 59,4%	12 11,3%	70 66,0%
Xa trung tâm thành phố	13 23,2%	28 50,0%	7 12,5%	29 51,8%

Bảng 4.2: Phương tiện sử dụng học tập trực tuyến theo khu vực

Học sinh ở thành phố Đà Lạt nhìn chung là có sự đa dạng trong việc lựa chọn phương tiện học trực tuyến. Chủ yếu là sử dụng laptop và điện thoại. Với một chiếc điện thoại nhỏ gọn với đầy đủ tính năng thì hoàn toàn thay thế được tablet. Đối với các học sinh chưa có điều kiện để sở hữu một chiếc điện thoại thì thường sử dụng điện thoại của phụ huynh. Laptop cũng có đầy đủ tính năng và khả năng thay thế máy tính bàn nên tỉ lệ phần trăm ở nhóm ít được sử dụng rơi vào khoảng 25% trở xuống còn nhóm được ưa dùng rơi vào khoảng hơn một nửa và gần chiếm tới 66%.

		Số lượng	Phần trăm (%)
Dùng Google Meet	Không	47	12,9%
	Có	318	87,1%
Dùng Zoom	Không	224	61,4%
	Có	141	38,6%
Dùng Microsoft Team	Không	356	97,5%
	Có	9	2,5%
Dùng Google Classroom	Không	276	75,6%
	Có	89	24,4%
Dùng Email	Không	334	91,5%
	Có	31	8,5%
Dùng công nghệ khác	Không	362	99,2%
	Có	3	0,8%

Bảng 5: Công nghệ/ phần mềm dùng để học trực tuyến.

Bên cạnh các phương tiện hỗ trợ cho các em học sinh trong việc học trực tuyến, những công nghệ, phần mềm cũng được sử dụng để tạo và quản lý lớp học.

		Dùng Google Meet	Dùng Zoom	Dùng MS Team	Dùng Google Classroom	Dùng Email
		Có	Có	Có	Có	Có
Lam Sơn	Số lượng	11	46	1	0	0
	Tỉ lệ phần trăm	23,9%	100,0%	2,2%	0,0%	0,0%
Nguyễn Du	Số lượng	66	13	2	33	10
	Tỉ lệ phần trăm	90,4%	17,8%	2,7%	45,2%	13,7%
Quang Trung	Số lượng	60	4	0	0	2
	Tỉ lệ phần trăm	98,4%	6,6%	0,0%	0,0%	3,3%
Đông Đa	Số lượng	19	1	0	0	0
	Tỉ lệ phần trăm	100,0%	5,3%	0,0%	0,0%	0,0%
Tây Sơn	Số lượng	51	8	3	5	6
	Tỉ lệ phần trăm	100,0%	15,7%	5,9%	9,8%	11,8%
Dân tộc nội trú	Số lượng	10	1	2	0	1
	Tỉ lệ phần trăm	83,3%	8,3%	16,7%	0,0%	8,3%
Bùi Thị Xuân	Số lượng	46	25	1	32	9
	Tỉ lệ phần trăm	95,8%	52,1%	2,1%	66,7%	18,8%
Thăng Long	Số lượng	8	5	0	0	0
	Tỉ lệ phần trăm	100,0%	62,5%	0,0%	0,0%	0,0%
Trần Phú	Số lượng	47	38	0	19	3
	Tỉ lệ phần trăm	100,0%	80,9%	0,0%	40,4%	6,4%

Bảng 5.1: Phần mềm học sinh các cấp sử dụng để học trực tuyến

Từ bảng 5.1, có thể kết luận rằng tùy thuộc vào hệ thống trường học nên học sinh các trường sử dụng phần mềm khác nhau để học trực tuyến. Trong đó, giáo viên Lam Sơn chủ yếu sử dụng Zoom để thực hiện công tác giảng dạy và tất cả các trường đều sử dụng Google meet. Giáo viên Bùi Thị Xuân, Thăng Long và Trần Phú sử dụng kết cả hai phần mềm Google meet và Zoom để thực hiện công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, các trường như Nguyễn Du, Bùi Thị Xuân và Trần Phú sử dụng Google Classroom để quản lý học sinh nhưng chỉ dừng lại với quy mô ở một số lớp học, không được triển khai ở quy mô toàn trường, chưa có sự thống nhất trong công tác quản lý lớp học ở các trường. Email – phương tiện để gửi tài liệu, liên lạc với học sinh không được chú trọng sử dụng kết hợp trong quá trình dạy và học.

Các em học sinh được sự quan tâm từ gia đình, bạn bè và cả thầy cô trong quá trình học tập trực tuyến.

		Số lượng	Phần trăm (%)
Tự khám phá học trực tuyến	Không	157	43,0%
	Có	208	57,0%
Bạn bè hướng dẫn học trực tuyến	Không	272	74,5%
	Có	93	25,5%
Giáo viên hướng dẫn học trực tuyến	Không	128	35,1%
	Có	237	64,9%
Phụ huynh hướng dẫn học trực tuyến	Không	303	83,0%
	Có	62	17,0%
Anh chị em hướng dẫn học trực tuyến	Không	310	84,9%
	Có	55	15,1%
Người khác hướng dẫn học trực tuyến	Không	363	99,5%
	Có	2	0,5%

Bảng 6: Người hướng dẫn học trực tuyến

Theo thống kê, có thể thấy người hướng dẫn các em học sinh nhiều nhất là giáo viên và tự các em khám phá. Điều đó cho thấy, những đối tượng khác như bạn bè, phụ huynh, anh chị em ít hướng dẫn các em do kinh nghiệm cũng như trải nghiệm học trực tuyến của các đối tượng này còn hạn chế. Ngoài ra, hơn một nửa số học sinh đã tự khám phá phương pháp học tập mới này, có thể thấy được sự ham học và nỗ lực cho chính kết quả học tập của chính các em đáng được ghi nhận.

Người hướng dẫn học TT	Có	Không
Tự khám phá học trực tuyến	208	157
Bạn bè hướng dẫn học trực tuyến	93	272
Giáo viên hướng dẫn học trực tuyến	237	128
Phụ huynh hướng dẫn học trực tuyến	62	303
Anh/Chị/Em hướng dẫn học trực tuyến	55	310
Người khác hướng dẫn học trực tuyến	2	363

Bảng 6.1: Số lượng người hướng dẫn học tập trực tuyến

Phần lớn học sinh đều có khả năng giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, học sinh vẫn phụ thuộc vào người giáo viên - người hướng dẫn chính trong lớp học. Mặt khác, vai trò của gia đình trong việc học tập của con em vẫn chưa được nổi bật mà đáng lẽ gia đình cũng nên góp sức giúp đỡ cho giáo viên trong việc hướng dẫn con em mình học tập để có được kết quả tốt.

Người hướng dẫn học trực tuyến	Học lực					
	Xuất sắc (32)	Giỏi (176)	Khá (113)	Trung bình (48)	Yếu (5)	Kém (0)
Tự khám phá học trực tuyến	19	108	16	1	0	0
Bạn bè hướng dẫn học trực tuyến	6	46	7	0	0	0
Giáo viên hướng dẫn học trực tuyến	22	111	26	3	0	0
Phụ huynh hướng dẫn học trực tuyến	9	31	3	0	0	0
Anh/Chị/Em hướng dẫn học trực tuyến	6	24	7	1	0	0

Bảng 6.2: Người hướng dẫn học trực tuyến ảnh hưởng đến học lực

Từ bảng 6.2, các em có học lực Khá trở lên được nhận sự hướng dẫn từ nhiều nguồn khác nhau. Đa số các em học lực Xuất sắc, Giỏi và Khá có khả năng tự học tốt và nhận được quan tâm từ giáo viên và gia đình. Trái lại, học sinh có học lực trung bình và yếu thì ít nhận được sự quan tâm từ giáo viên và gia đình. Bản thân đã yếu nhưng cũng không nhận được sự giúp đỡ từ bên ngoài nên các em không thể cải thiện được tình hình học tập của bản thân.

		Tự khám phá học trực tuyến	Bạn bè hướng dẫn học trực tuyến	Giáo viên hướng dẫn học trực tuyến	Phụ huynh hướng dẫn học trực tuyến	Anh/Chị/Em hướng dẫn học trực tuyến
		Có	Có	Có	Có	Có
Lớp 6	Số lượng	21	10	34	18	12
	Tỉ lệ phần trăm	45,7%	21,7%	73,9%	39,1%	26,1%
Lớp 7	Số lượng	25	10	41	19	16
	Tỉ lệ phần trăm	40,3%	16,1%	66,1%	30,6%	25,8%
Lớp 8	Số lượng	34	8	35	9	10
	Tỉ lệ phần trăm	56,7%	13,3%	58,3%	15,0%	16,7%
Lớp 9	Số lượng	33	15	35	8	5
	Tỉ lệ phần trăm	60,0%	27,3%	63,6%	14,5%	9,1%
Lớp 10	Số lượng	27	12	34	2	2
	Tỉ lệ phần trăm	57,4%	25,5%	72,3%	4,3%	4,3%
Lớp 11	Số lượng	35	14	21	1	5

	Tỉ lệ phần trăm	76,1%	30,4%	45,7%	2,2%	10,9%
Lớp 12	Số lượng	33	24	37	5	5
	Tỉ lệ phần trăm	67,3%	49,0%	75,5%	89,8%	89,8%

Bảng 6.3: Người hướng dẫn học trực tuyến theo khối lớp

Từ bảng 6.3, có thể thấy rằng học sinh từ lớp 8 trở lên đã có sự tự giác trong học tập nên tỉ lệ phần trăm ở các khối này đều vượt ngưỡng 56% trở lên. Hầu hết đều thuộc các khối lớp chuẩn bị thi chuyển cấp hoặc kì thi tốt nghiệp nên vấn đề tự giác trong học tập có thể thấy rõ ràng. Nổi bật hơn cả là khối 11 với 76,1% với lượng kiến thức được đánh giá là khó nhất trong 3 năm cấp 3 nên điều này cũng thể hiện rõ các em rất chú tâm vào việc học và chuẩn bị cho kì thi tốt nghiệp sắp tới. Bên cạnh đó, bạn bè cũng là một yếu tố quan trọng góp phần ảnh hưởng đến học lực của học sinh. Phần lớn vẫn chưa thấy được sự trao đổi học tập giữa các em học sinh, chỉ riêng học sinh khối 12 là có sự trao đổi trong và ngoài giờ lên lớp. Giáo viên đóng vai trò chủ chốt và đóng một vai trò rất quan trọng để hướng dẫn các em trong quá trình học tập trực tuyến. Thông qua bảng số liệu, có thể nhận định rằng sự giúp đỡ của giáo viên vẫn chiếm số lượng đáng kể và dẫn đến là thiếu sự quan tâm từ gia đình. Ở độ tuổi lớp 6, lớp 7 vẫn còn thấy sự quan tâm từ gia đình và điều này bị giảm dần với độ tuổi lớp 8, lớp 9 và ở cấp 3.

		Số lượng	Phần trăm (%)
Tự giải quyết kỹ thuật học trực tuyến	Không	118	32,3%
	Có	247	66,7%
Bạn bè hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Không	279	76,4%
	Có	86	23,6%
Giáo viên hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Không	273	74,8%
	Có	92	25,2%
Phụ huynh hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Không	265	72,6%
	Có	100	27,4%
Anh chị em hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Không	311	85,2%
	Có	54	14,8%
Người khác hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Không	360	98,6%
	Có	5	1,4%

Bảng 7: Người hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình học trực tuyến

Tuy nhiên, theo khảo sát, số lượng các em học sinh được hỗ trợ kỹ thuật từ người ngoài rất ít, đa phần các em đều tự giải quyết vấn đề kỹ thuật của bản thân. Giáo viên là người hướng dẫn các em học trực tuyến nhưng số lượng giáo viên hỗ trợ học sinh khi có vấn đề kỹ thuật chỉ có khoảng 25%. Điều đó cho thấy những vấn đề kỹ thuật mà

học sinh gặp phải chưa thật sự được hướng dẫn kĩ để các em dần quen với việc tự xử lý. Thay vào đó, các em học sinh phải tự xử lý những vấn đề này, nó có thể gây ảnh hưởng tới quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh, và thậm chí có thể khiến các em không hiểu bài.

		Tự giải quyết kỹ thuật học trực tuyến	Bạn bè hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Giáo viên hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Phụ huynh hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến	Anh /Chị/ Em hỗ trợ kỹ thuật học trực tuyến
		Có	Có	Có	Có	Có
Lớp 6	Số lượng	23	7	17	21	12
	Tỉ lệ phần trăm	50,0%	15,2%	37,0%	45,7%	26,1%
Lớp 7	Số lượng	31	12	20	29	13
	Tỉ lệ phần trăm	50,0%	19,4%	32,3%	46,8%	21,0%
Lớp 8	Số lượng	43	8	5	15	10
	Tỉ lệ phần trăm	71,7%	13,3%	8,3%	25,0%	16,7%
Lớp 9	Số lượng	35	12	12	14	8
	Tỉ lệ phần trăm	63,6%	21,8%	21,8%	25,5%	14,5%
Lớp 10	Số lượng	37	11	9	13	5
	Tỉ lệ phần trăm	78,7%	23,4%	19,1%	27,7%	10,6%
Lớp 11	Số lượng	41	15	9	1	5
	Tỉ lệ phần trăm	89,1%	32,6%	19,6%	2,2%	10,9%
Lớp 12	Số lượng	37	21	20	7	1
	Tỉ lệ phần trăm	75,5%	42,9%	40,8%	14,3%	2,0%

Bảng 7.1: Người hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình học trực tuyến theo từng khối lớp

Từ số liệu bảng 7.1, ta thấy tự bản thân học sinh vẫn là người tự giải quyết khi gặp trực tiếp kỹ thuật, chứng tỏ khả năng tin học của các em là khá tốt để có thể tự mình xử lý vấn đề. Những con số cũng cho thấy rằng, tỷ lệ tự giải quyết vấn đề kỹ thuật cũng tăng dần theo từng khối lớp. Về phía nhà trường, các em học sinh tự trao đổi với nhau trong và ngoài lớp cũng có chiều hướng là tăng theo từng khối lớp. Với độ tuổi càng lớn thì các em càng chủ động tìm người giúp đỡ là bạn bè lại càng cao. Trong khi đó, với lý do khách quan được nêu ra ở trên thì xử lý vấn đề kỹ thuật là gần như không thể. Đặc biệt là khối lớp 8 nên tỷ lệ phần trăm chỉ ở khoảng 40% đối với học sinh khối 12, riêng

học sinh khối 6, khối 7 vẫn nhận được sự giúp đỡ từ giáo viên vì các em còn quá nhỏ để tự mình xử lý trực trặc kỹ thuật. Về phía gia đình thì gần như là không có, chỉ có phụ huynh lớp 6 và lớp 7 cùng với giáo viên giúp các em giải quyết vấn đề kỹ thuật trong quá trình học trực tuyến. Ta có thể thấy rõ ràng ở khối cấp 3, các em cũng đủ khả năng để giải quyết trực trặc kỹ thuật nên vai trò của giáo viên và gia đình là không cần thiết.

2.3. Nhận thức về những lợi ích và bất lợi của học tập trực tuyến

Trong quá trình học phương pháp mới này, các em học sinh đã có những trải nghiệm thực tế về những ưu điểm cũng như nhược điểm của việc học trực tuyến. Từ đó, nhóm nghiên cứu rút ra những khó khăn cũng như thuận lợi từ trải nghiệm học tập của các em học sinh.

- Thuận lợi

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát với nhiều thuận lợi và tiềm năng, kết quả cho thấy các em có nhiều lợi ích từ việc học trực tuyến này.

		Số lượng	Phần trăm %
Không tốn thời gian đi lại	Hoàn toàn không đồng ý	14	3,8%
	Không đồng ý	6	1,6%
	Phân vân	30	8,2%
	Đồng ý	198	54,2%
	Hoàn toàn đồng ý	117	32,1%
Vẫn có thể đi học khi thời tiết không tốt	Hoàn toàn không đồng ý	12	3,3%
	Không đồng ý	10	2,7%
	Phân vân	29	7,9%
	Đồng ý	198	54,2%
	Hoàn toàn đồng ý	116	31,8%
Ít tốn thời gian hơn	Hoàn toàn không đồng ý	23	6,3%
	Không đồng ý	86	23,6%
	Phân vân	107	29,3%
	Đồng ý	108	29,6%
	Hoàn toàn đồng ý	41	11,2%

Bảng 8: Những thuận lợi khi học trực tuyến (1)

Theo thống kê, các em học sinh có sự linh hoạt trong việc học, với gần 90% các em học sinh đồng ý rằng không tốn thời gian đi học, các em có thể tham gia lớp học đúng giờ mà không cần quá mất thời gian cho việc di chuyển đến lớp. Bên cạnh đó, vì việc học ở nhà nên thời tiết đối với học trực tuyến không phải là vấn đề, khoảng 85% học sinh đồng ý việc này. Tuy nhiên, việc học hẫng là vẫn tốn thời gian nên tỉ lệ phần trăm

học sinh chọn việc học trực tuyến ít tốn thời gian hơn chỉ chiếm 40%. Qua đó, ta có thể thấy được sự thuận lợi trong việc học trực tuyến đầu tiên nằm ở việc có thể học ở bất kì đâu mà không cần phải đi tới lớp học cũng như học tập không phụ thuộc vào yếu tố thời tiết

		Số lượng	Phần trăm %
Gắn bó và chủ động kế hoạch học tập	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	50	13,7%
	Phân vân	122	33,4%
	Đồng ý	130	35,6%
	Hoàn toàn đồng ý	42	11,5%
Việc học trở nên linh động hơn	Hoàn toàn không đồng ý	18	4,9%
	Không đồng ý	71	19,5%
	Phân vân	97	26,6%
	Đồng ý	138	37,8%
	Hoàn toàn đồng ý	41	11,2%
Tiếp cận tài liệu học tập nhiều hơn	Hoàn toàn không đồng ý	20	5,5%
	Không đồng ý	34	9,3%
	Phân vân	76	20,8%
	Đồng ý	184	50,4%
	Hoàn toàn đồng ý	51	14,0%
Tiếp cận tài liệu học tập đa dạng, linh động hơn	Hoàn toàn không đồng ý	19	5,2%
	Không đồng ý	35	9,6%
	Phân vân	74	20,3%
	Đồng ý	182	49,9%
	Hoàn toàn đồng ý	55	15,1%

Bảng 9: Những thuận lợi khi học trực tuyến (2)

Theo kết quả khảo sát, việc học trực tuyến còn giúp các em gắn bó và chủ động kế hoạch học tập, việc học tập trở nên linh động hơn, và việc tiếp cận tài liệu học tập sẽ nhiều hơn, đa dạng và linh động hơn. Theo thống kê, có đến gần 50% các em học sinh đồng ý rằng học trực tuyến sẽ giúp việc học gắn bó và chủ động với kế hoạch học tập. Bên cạnh đó, gần 50% đồng ý việc học sẽ linh động hơn. Về tài liệu học tập, có đến hơn 60% học sinh đồng ý rằng tài liệu học tập tiếp cận sẽ nhiều hơn và có hơn 60% học sinh tin rằng tiếp cận tài liệu sẽ đa dạng và linh động hơn. Từ đó cho thấy, học trực tuyến còn giúp các em học sinh tiếp cận tài liệu học tập dễ dàng, linh động hơn trong quá trình học tập, từ đó việc học tập cũng sẽ dễ dàng hơn và các em có cơ hội bám theo kế hoạch học tập do các em tự đề ra.

		Số lượng	Phần trăm %
Phát triển kỹ năng lập kế hoạch học tập	Hoàn toàn không đồng ý	19	5,2%
	Không đồng ý	41	11,2%
	Phân vân	107	29,3%
	Đồng ý	153	41,9%
	Hoàn toàn đồng ý	45	12,3%
Phát triển kỹ năng quản lý thời gian học tập	Hoàn toàn không đồng ý	16	4,4%
	Không đồng ý	32	8,8%
	Phân vân	106	29,0%
	Đồng ý	168	46,0%
	Hoàn toàn đồng ý	43	11,8%
Phát triển kỹ năng công nghệ thông tin	Hoàn toàn không đồng ý	15	4,1%
	Không đồng ý	12	3,3%
	Phân vân	52	14,2%
	Đồng ý	219	60,0%
	Hoàn toàn đồng ý	67	18,4%
Gia tăng khả năng thích nghi học tập	Hoàn toàn không đồng ý	14	3,8%
	Không đồng ý	36	9,9%
	Phân vân	83	22,7%
	Đồng ý	187	51,2%
	Hoàn toàn đồng ý	45	12,3%

Bảng 10: Những thuận lợi khi học trực tuyến (3)

Không chỉ linh hoạt trong thời gian và tài liệu học tập, theo thống kê, có đến hơn 50% học sinh đồng ý học trực tuyến sẽ giúp phát triển kỹ năng lập kế hoạch học tập. Bên cạnh đó, kỹ năng quản lý thời gian học tập phát triển nhờ vào học trực tuyến cũng được đồng ý bởi gần 60% học sinh. Và có đến gần 70% học sinh đồng ý học trực tuyến sẽ phát triển kỹ năng công nghệ thông tin. Từ đó, có thể nhận thấy được thuận lợi từ việc học trực tuyến sẽ phát triển những kỹ năng mềm như lập kế hoạch học tập, quản lý thời gian và công nghệ thông tin. Ngoài những kỹ năng mềm, hơn 60% các em học sinh đồng ý rằng học trực tuyến sẽ gia tăng khả năng thích nghi học tập.

		Số lượng	Phần trăm %
Có nhiều thời gian với gia đình	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	58	15,9%
	Phân vân	93	25,5%
	Đồng ý	136	37,3%
	Hoàn toàn đồng ý	57	15,6%
Có nhiều thời gian cho những việc khác	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	47	12,9%
	Phân vân	77	21,1%
	Đồng ý	168	46,0%

	Hoàn toàn đồng ý	52	14,2%
--	------------------	----	-------

Bảng 11: Những thuận lợi khi học trực tuyến (4)

Việc học trực tuyến cũng giúp học sinh có thêm nhiều thời gian ngoài giờ học, có gần 50% học sinh đồng ý rằng mình có nhiều thời gian hơn cho gia đình, nhưng có khoảng 60% học sinh đồng ý rằng mình có nhiều thời gian hơn cho những việc khác. Điều này chứng tỏ việc học trực tuyến có thể giúp học sinh có thêm thời gian trong ngày. Từ các bảng số liệu, phần lớn học sinh đều đồng ý với những lợi ích được nêu ra, trong đó theo các em có các lợi ích nổi trội như là thời tiết không phải là vấn đề; không phải tốn thời gian đi đến trường; tài liệu đa dạng, sinh động và nhiều hơn; Phát triển kỹ năng công nghệ thông tin; tăng khả năng thích nghi học tập và có nhiều thời gian cho việc khác. Kể từ khi dịch bùng phát, các em có cơ hội thích nghi với hai hình thức học. Khi dịch bệnh không kiểm soát được thì học trực tuyến còn khi kiểm soát được dịch thì các em được đi học trực tiếp trở lại. Từ bảng số liệu, ta cũng có thể thấy tồn tại những mặt trái của vấn đề mặc dù có những điều chúng ta mặc định là như vậy. Chỉ có 40,8% học sinh cho rằng học trực tuyến ít tốn thời gian hơn. Thực tế cho thấy rằng thời gian các em học tại nhà tương đương với thời gian học trên trường không tính thời gian học thêm học kèm nhưng có thể là vì bài giảng không đủ thu hút nên cảm nhận về thời gian học có phần không đúng so với thực tế. Cho dù hình thức học tập nào cũng rèn luyện cho học sinh kỹ năng lập kế hoạch học tập và kỹ năng quản lý thời gian nhưng so với hình thức học trực tiếp thì hình thức học trực tuyến có phần yếu thế hơn. Đối với học sinh cấp 2 vẫn rất cần sự hỗ trợ từ giáo viên và phụ huynh nhiều hơn. Bản thân giáo viên không thể giúp các em nếu không có sự hợp tác của phụ huynh đặc biệt là học sinh lớp 6 lớp 7 và học sinh cuối cấp. Vì đa số các em bắt đầu học trực tuyến là vì lý do là dịch nên hình thức học tập này là biện pháp hoàn toàn hiệu quả để phòng chống dịch. Cùng lúc đó, phụ huynh cũng có cơ hội để quan tâm con em của mình hơn nhưng nghịch lý là chỉ có 52,9% học sinh cảm thấy là có nhiều thời gian hơn với gia đình. Dịch cũng tạo điều kiện cho các em sớm và nhiều cơ hội để các em sở hữu cho riêng bản thân mình một thiết bị học tập trực tuyến. Vì vậy, thay vì các em đáng lẽ phải dành nhiều thời gian cho gia đình thì thay vào đó là mạng xã hội, giải trí hay là mục đích riêng tư của mình gắn liền với thiết bị đáng lẽ được sử dụng với mục đích ban đầu là học tập trực tuyến. Đối với học sinh cấp 3, sử dụng thiết bị vào mục đích khác không hẳn là không tốt vì các em cũng đã phần nào làm chủ được hành vi của bản thân

nhưng vẫn cần sự giám sát của phụ huynh (lúc này vai trò của giáo viên là không đáng kể) còn đối với học sinh cấp 2, đặc biệt là lớp 6, lớp 7 và lớp 8 thì các em cần nhiều sự quan tâm hơn từ phụ huynh trong việc kiểm soát con em sử dụng thiết bị học tập vì rõ ràng các em chưa đủ nhận thức để sử dụng thiết bị học tập vào đúng mục đích. Nói tóm lại, gia đình vẫn chưa thực sự quan tâm đến con em mình đủ như nhu cầu của các em cần (chỉ có 52,9% học sinh cảm thấy là có nhiều thời gian dành cho gia đình).

- **Bất lợi**

Bên cạnh những thuận lợi đó, các em học sinh cũng gặp phải nhiều vấn đề, khó khăn trong quá trình học tập.

		Số lượng	Phần trăm (%)
Mất sự tương tác trực tiếp với thầy cô	Hoàn toàn không đồng ý	19	5,2%
	Không đồng ý	48	13,2%
	Phân vân	58	15,9%
	Đồng ý	181	49,6%
	Hoàn toàn đồng ý	59	16,2%
Mất sự tương tác trực tiếp với bạn bè	Hoàn toàn không đồng ý	25	6,8%
	Không đồng ý	50	13,7%
	Phân vân	54	14,8%

Bảng 12: Những bất lợi khi học trực tuyến (1)

		Số lượng	Phần trăm %
Giáo viên không hỗ trợ được nhiều	Hoàn toàn không đồng ý	24	6,6%
	Không đồng ý	50	13,7%
	Phân vân	74	20,3%
	Đồng ý	157	43,0%
	Hoàn toàn đồng ý	60	16,4%
Giáo viên không hỗ trợ được nhanh	Hoàn toàn không đồng ý	24	6,6%
	Không đồng ý	58	15,9%
	Phân vân	107	29,3%
	Đồng ý	129	35,3%
	Hoàn toàn đồng ý	47	12,9%
Bạn bè không hỗ trợ được nhiều	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	63	17,3%
	Phân vân	77	21,1%
	Đồng ý	152	41,6%
	Hoàn toàn đồng ý	52	14,2%
Giáo viên không hỗ trợ được nhanh	Hoàn toàn không đồng ý	23	6,3%
	Không đồng ý	64	17,5%
	Phân vân	78	21,4%
	Đồng ý	149	40,8%

	Hoàn toàn đồng ý	51	14,0%
--	------------------	----	-------

Bảng 13: Những bất lợi khi học trực tuyến (2)

		Số lượng	Phần trăm %
Khó quản lý thời gian học tập	Hoàn toàn không đồng ý	30	8,2%
	Không đồng ý	101	27,7%
	Phân vân	108	29,6%
	Đồng ý	93	25,5%
	Hoàn toàn đồng ý	33	9,0%
Khó tập trung trong thời gian dài	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	49	13,4%
	Phân vân	66	18,1%
	Đồng ý	176	48,2%
	Hoàn toàn đồng ý	53	14,5%
Dễ bị xao nhãng khi học ở nhà	Hoàn toàn không đồng ý	21	5,8%
	Không đồng ý	37	10,1%
	Phân vân	63	17,3%
	Đồng ý	180	49,3%
	Hoàn toàn đồng ý	64	17,5%
Mệt mỏi khi tiếp xúc màn hình nhiều	Hoàn toàn không đồng ý	17	4,7%
	Không đồng ý	28	7,7%
	Phân vân	61	16,7%
	Đồng ý	167	45,8%
	Hoàn toàn đồng ý	92	25,2%

Bảng 14: Những bất lợi khi học trực tuyến (3)

		Số lượng	Phần trăm %
Căng thẳng khi gặp vấn đề kỹ thuật	Hoàn toàn không đồng ý	17	4,7%
	Không đồng ý	27	7,4%
	Phân vân	49	13,4%
	Đồng ý	184	50,4%
	Hoàn toàn đồng ý	88	24,1%
Lo lắng khi gặp vấn đề kỹ thuật	Hoàn toàn không đồng ý	17	4,7%
	Không đồng ý	22	6,0%
	Phân vân	55	15,1%
	Đồng ý	185	50,7%
	Hoàn toàn đồng ý	86	23,6%
Căng thẳng khi không biết cách dùng công nghệ	Hoàn toàn không đồng ý	31	8,5%
	Không đồng ý	75	20,5%
	Phân vân	84	23,0%
	Đồng ý	136	37,3%
	Hoàn toàn đồng ý	39	10,7%
Lo lắng khi không biết cách	Hoàn toàn không đồng ý	29	7,9%
	Không đồng ý	79	21,6%

dùng công nghệ	Phân vân	83	22,7%
	Đồng ý	133	36,4%
	Hoàn toàn đồng ý	41	11,2%

Bảng 15: Những bất lợi khi học trực tuyến (4)

Trường học là môi trường trở nên quen thuộc đối với các em học sinh. Khi học trực tuyến, người thiết thòi nhất vì phải thích nghi với hình thức học mới là các em vì thiếu sự hỗ trợ từ giáo viên, bạn bè – mất đi môi trường học tập lý tưởng nhất. Khi học trực tuyến mỗi lo ngại của học sinh lẫn giáo viên là đường truyền mạng. Đa số các em đồng ý với các khó khăn được nêu ra. Cụ thể, học sinh cho biết rằng các em không thể tập trung khi học ở nhà và trở nên căng thẳng, lo lắng khi gặp trục trặc kỹ thuật. Phần lớn các em đều nhận ra học trực tuyến có hại cho sức khỏe và thị giác chiếm tới (71,0%). 35,9% học sinh cho rằng vẫn có khả năng học được kỹ năng quản lý thời gian và 34,5% học sinh lại cho rằng khó quản lý thời gian học tập. Các em vẫn cần sự hỗ trợ của phụ huynh rất lớn vì phần lớn các em vẫn phân vân là bản thân đã quản lý thời gian học tập đã đủ tốt hay chưa nên câu trả lời trong phiếu khảo sát cũng không phân hoá rõ rệt. Mặc dù, phần lớn các em đều đồng ý với việc bị căng thẳng, lo lắng khi không biết sử dụng công nghệ nhưng tỷ lệ không cao cho thấy học sinh không gặp quá nhiều trở ngại về mặt công nghệ vì các em được sống và tiếp xúc với máy tính, điện thoại từ sớm nên kỹ năng công nghệ không vấn đề đối với các em.

2.4. Đánh giá học tập trực tuyến ở các mặt: học lý thuyết, làm bài tập, hoạt động nhóm và kiểm tra đánh giá

- Đánh giá việc học lý thuyết khi học trực tuyến:

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Học trực tuyến tốn ít thời gian hơn	Hoàn toàn không đồng ý	25	6,8%
	Không đồng ý	79	21,6%
	Phân vân	83	22,7%
	Đồng ý	149	40,8%
	Hoàn toàn đồng ý	29	7,9%
Học trực tuyến ít kiến thức hơn	Hoàn toàn không đồng ý	33	9,0%
	Không đồng ý	102	27,9%
	Phân vân	65	17,8%
	Đồng ý	134	36,7%
	Hoàn toàn đồng ý	31	8,5%
Học trực tuyến chủ động hơn	Hoàn toàn không đồng ý	32	8,8%
	Không đồng ý	118	32,3%
	Phân vân	104	28,5%
	Đồng ý	93	25,5%

	Hoàn toàn đồng ý	18	4,9%
Học trực tuyến khó tập trung hơn	Hoàn toàn không đồng ý	35	9,6%
	Không đồng ý	43	11,8%
	Phân vân	52	14,2%
	Đồng ý	162	44,4%
	Hoàn toàn đồng ý	73	20,0%

Bảng 16: Đánh giá việc học lý thuyết khi học trực tuyến

Theo thống kê, có gần 50% tổng số học sinh đồng ý việc học trực tuyến ít tốn thời gian hơn. Tuy nhiên, hơn 40% học sinh đồng ý rằng học trực tuyến truyền tải ít kiến thức hơn, và có khoảng 40% học sinh không đồng ý rằng học trực tuyến chủ động hơn. Bên cạnh đó, có hơn 60% số học sinh đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng học trực tuyến khó tập trung hơn. Từ đó, có thể thấy rằng việc học lý thuyết qua phương thức trực tuyến chưa thực sự có hiệu quả đối với các em học sinh.

Từ bảng 16, có thể thấy rằng phần lớn học sinh cho rằng học trực tuyến nhanh hơn, lượng kiến thức vẫn đảm bảo, thiếu sự chủ động và khó tập trung hơn so với học trên lớp so với dạy học truyền thống, đòi hỏi người giáo viên phải sáng tạo, áp dụng công nghệ thông tin trong bài giảng làm cho bài giảng trở nên sinh động hơn so với phần và bảng thông thường. Phần lớn học sinh nhận định rằng học trực tuyến tốn ít thời gian hơn (sấp xỉ một nửa số học sinh). Tuy nhiên, vẫn còn gần 30% học sinh cho rằng học trực tuyến tốn nhiều thời gian. Lượng kiến thức vẫn được đảm bảo vì phần trăm học sinh đồng ý và không đồng ý gần tương đương nhau (45,2% và 36,9%). Trong quá trình học tập trực tuyến, phần lớn học sinh cho rằng học trực tiếp chủ động hơn, vì từ trước đến nay các em đã quen với lịch học được cung cấp từ giáo viên trên trường nhưng khi học tập trực tuyến các em hoàn toàn phải rèn luyện thêm kỹ năng quản lý thời gian. Cùng một không gian là ở nhà nhưng các em phải làm quen với môi trường học tập mới (vừa là môi trường học tập, vừa là môi trường nghỉ ngơi). Việc này đòi hỏi các em phải hoàn toàn làm chủ kỹ năng quản lý thời gian. Điều này cũng dẫn đến một hệ quả khác đó chính là học sinh không thể tập trung vào việc học khi học tại nhà vì khác với môi trường truyền thống là để phục vụ cho nhu cầu học tập của các em nên có tới 64,4% học sinh cảm thấy khó tập trung. Trong đó, chỉ có gần 20% học sinh cảm thấy học tập tại nhà là phù hợp.

	Số lượng (365)	Tỉ lệ phần trăm
--	-------------------	-----------------

Học trực tuyến hiệu quả	18	4,9%
Học trên lớp hiệu quả	240	65,7%
Không có sự khác nhau	78	21,4%

Bảng 17: Đánh giá chung việc học lý thuyết khi học trực tuyến

Theo kết quả định lượng, chỉ có 26,3% học sinh cho rằng học trực tuyến là hiệu quả và các em vẫn chưa quen với hình thức học tập mới nên có tới 65,7% thích học lý thuyết ở trường hơn. Theo như kết định tính, các em cho rằng học lý thuyết trực tuyến quá nhiều khó khăn vì phụ thuộc quá lớn vào đường truyền và điện. Đường truyền không tốt sẽ làm gián đoạn tiết học làm mất đi công sức của giáo viên đã tạo ra không khí cho tiết học. Điều này dễ gây sự chán nản không chỉ đối với học sinh mà còn là giáo viên. Điều này thúc đẩy học sinh làm việc riêng và mất tập trung. Còn giáo viên bị mất cảm hứng khi bị mất kết nối đột ngột. Khi mất kết nối dẫn đến công sức của thầy cô từ đầu đến lúc đó bị lãng phí vì khả năng tập trung của học sinh tương đối ngắn. Khi học trực tuyến, thầy cô yêu cầu học sinh chép bài quá nhiều cũng là một yếu tố làm cho việc học lý thuyết trực tuyến không hiệu quả. Nội dung được không được trình bày chín chu, thiếu thẩm mỹ và không gây sự hứng thú cho học sinh nên mặc dù hình thức học lý thuyết là nghe - nhìn - chép nhưng phần nhìn không tốt cũng dẫn đến học sinh cũng không muốn chép bài.

- Đánh giá làm bài tập khi học trực tuyến

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Làm bài tập trực tuyến ít tốn thời gian hơn	Hoàn toàn không đồng ý	28	7,7%
	Không đồng ý	96	26,3%
	Phân vân	100	27,4%
	Đồng ý	120	32,9%
	Hoàn toàn đồng ý	21	5,8%
Học trực tuyến khó làm bài tập hơn	Hoàn toàn không đồng ý	27	7,4%
	Không đồng ý	130	35,6%
	Phân vân	76	20,8%
	Đồng ý	112	30,7%
	Hoàn toàn đồng ý	20	5,5%
Học trực tuyến chủ động làm bài tập hơn	Hoàn toàn không đồng ý	31	8,5%
	Không đồng ý	116	31,8%
	Phân vân	107	29,3%
	Đồng ý	94	25,8%
	Hoàn toàn đồng ý	17	4,7%
Học trực tuyến ít bài tập hơn	Hoàn toàn không đồng ý	39	10,7%
	Không đồng ý	124	34,0%

	Phân vân	101	27,7%
	Đồng ý	86	23,6%
	Hoàn toàn đồng ý	15	4,1%

Bảng 18: Đánh giá việc làm bài tập khi học trực tuyến.

Việc làm bài tập khi học trực tuyến, theo thống kê, số lượng học sinh đồng ý hay đồng ý về những thuận lợi hay bất lợi khi làm bài tập khi học trực tuyến là không đáng kể. Từ đó, có thể rút được việc làm bài tập khi học trực tuyến chưa thực sự khác với khi làm bài tập ở trên lớp.

Từ bảng 18, đa số học sinh nhận định rằng làm bài tập tốn ít thời gian khi học trực tuyến, khi làm việc trực tuyến thì thuận lợi lớn nhất là học sinh dễ dàng tiếp cận nguồn tài liệu nên tiết kiệm được thời gian làm bài bao gồm 32,9% đồng ý và 5,8% hoàn toàn đồng ý. Phần lớn học sinh cho rằng làm bài tập khó hơn mặc dù học sinh không bị kiểm soát vấn đề sử dụng tài liệu mà ngược lại là hoàn toàn thoải mái sử dụng nhưng chất lượng bài giảng không tốt nên các em vẫn gặp khó khăn khi bài tập. Với hình thức học trực tuyến nên khi thiết kế bài kiểm tra sẽ có lợi cho giáo viên vì có thể cài đặt khoảng thời gian nhất định cho mỗi câu hỏi nhưng lại là bất lợi của học sinh vì các em chỉ có khoảng thời gian cố định để trả lời câu hỏi nhưng không có cơ hội để kiểm tra lại bài làm nên có tới sắp xỉ 40% học sinh cho rằng học trực tuyến kém chủ động hơn. Lượng bài tập phải làm thì nhiều hơn trong khi đó lượng kiến thức lại ít hơn dẫn đến chất lượng học trực tuyến không được đảm bảo vì vậy có tới 44,7% học sinh cho rằng học trực tuyến phải làm bài tập nhiều hơn.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Không đồng ý	47,8%
Nguyễn Du	Đồng ý	45,2%
Quang Trung	Đồng ý	42,7%
Đống Đa	Đồng ý	47,4%
Tây Sơn	Đồng ý	45,1%
Dân tộc nội trú	Đồng ý	41,7%
Bùi Thị Xuân	Đồng ý	37,5%
Thăng Long	Đồng ý	50,0%
Trần Phú	Không đồng ý	38,3%

Bảng 18.1: Đánh giá làm bài tập trực tuyến ít tốn thời gian hơn theo trường học

Từ bảng 18.1, ta có thể kết luận rằng học trực tuyến tốn ít thời gian hơn vì lượng kiến thức đơn giản và học sinh cũng dễ dàng tra cứu kết quả, đáp án trên Internet. Song, vẫn tồn tại một thực trạng là bài tập dễ thì không giảng còn bài tập khó thì giảng mà học sinh vẫn không hiểu.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Không đồng ý	47,8%
Nguyễn Du	Không đồng ý	43,8%
Quang Trung	Không đồng ý	57,3%
Đống Đa	Không đồng ý	57,9%
Tây Sơn	Không đồng ý	41,1%
Dân tộc nội trú	Đồng ý	52,0%
Bùi Thị Xuân	Đồng ý	75,0%
Thăng Long	Không đồng ý	50,0%
Trần Phú	Đồng ý	44,7%

Bảng 18.2: Đánh giá làm bài tập trực tuyến khó hơn theo trường học

Thông qua số liệu ta có được bảng 18.2, hầu hết học sinh các trường đều thấy làm bài tập trực tuyến có phần dễ hơn, Tuy nhiên, vẫn có một số trường cho học sinh làm bài tập chưa phù hợp với năng lực của học sinh trong đó nổi bật nhất là trường Bùi Thị Xuân có tới 75% cho rằng bài tập khi học trực tuyến quá khó. Những con số cho thấy rằng giáo viên cần điều chỉnh, thay đổi phù hợp với năng lực và trình độ của học sinh và giảng bài phải sâu và kĩ hơn để học sinh vận dụng kiến thức đã học làm bài tập thêm phần hiệu quả.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Không đồng ý	47,8%
Nguyễn Du	Không đồng ý	43,8%
Quang Trung	Không đồng ý	57,3%
Đống Đa	Không đồng ý	57,9%
Tây Sơn	Không đồng ý	41,1%
Dân tộc nội trú	Không đồng ý	52,0%
Bùi Thị Xuân	Không đồng ý	75,0%
Thăng Long	Đồng ý	50,0%
Trần Phú	Không đồng ý	44,7%

Bảng 18.3: Đánh giá làm bài tập trực tuyến chủ động hơn theo trường học

Từ bảng số liệu 18.3 thì có thể dễ dàng thấy rằng học sinh hầu hết các trường đều thấy học trực tuyến trở nên thụ động hơn, đa số các em chỉ cần tra cứu đáp án trên mạng là có câu trả lời thậm chí không cần nghe giảng trong đó tỉ lệ học sinh trường Bùi Thị Xuân chiếm tới 75% không ủng hộ quan điểm trên. Tuy nhiên, học sinh trường chuyên lại nghĩ khác, các em cho rằng là hoàn toàn chủ động trong lúc làm bài tập. Việc làm bài tập trực tuyến phù hợp với đối tượng học sinh là trường chuyên.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Nhiều	41,3%
Nguyễn Du	Ít	42,5%
Quang Trung	Nhiều	52,5%
Đống Đa	Nhiều	31,6%
Tây Sơn	Nhiều	47,1%
Dân tộc nội trú	Ít	58,3%
Bùi Thị Xuân	Nhiều	50,0%
Thăng Long	Nhiều	37,5%
Trần Phú	Nhiều	55,4%

Bảng 18.4: Đánh giá lượng bài tập ít hơn trên lớp theo trường học

Từ bảng số liệu 18.4, đa số học sinh các trường cảm nhận rằng bài tập trực tuyến nhiều hơn so với trên lớp. Tuy là nhiều hơn so với trên lớp nhưng dạng bài tập được thiết kế dưới dạng trắc nghiệm yêu cầu học sinh phải hiểu biết rộng hơn là so với dạng tự luận, thời gian làm bài trắc nghiệm cũng nhanh hơn nên vẫn đảm bảo chất lượng tiết dạy. Theo kết quả định tính thì đa số đều cho rằng bài tập có phần tương đối dễ hơn là vì các em dễ dàng tra cứu kết quả, đáp án trên Internet hoặc là nhắn tin hỏi bài từ bạn bè nên giáo viên hoàn toàn không thể kiểm soát được lớp học cũng như đảm bảo rằng học sinh hiểu bài hay không.

	Số lượng (365)	Tỉ lệ phần trăm
Học trực tuyến hiệu quả	27	7,4%
Học trên lớp hiệu quả	222	60,8%
Không có sự khác nhau	87	23,8%

Bảng 19: Đánh giá chung việc làm bài tập khi học trực tuyến

Tuy nhiên, đối với thống kê về đánh giá chung việc làm bài tập khi học trực tuyến so với trên lớp, có khoảng 60% số học sinh tin rằng học trên lớp hiệu quả hơn học trực

tuyến. Từ đó, có thể rút ra được học trực tuyến vẫn chưa thực sự tác động tích cực đối với việc làm bài tập ở các trường cấp 2, cấp 3.

Bài tập vận dụng tại lớp khá là quan trọng vì đây là bước để củng cố và vận dụng lý thuyết đã học để làm bài tập. Thông qua bước này, giáo viên biết được học sinh có hiểu bài hay không. Vì vậy lý thuyết cần cô đọng, dễ hiểu để học sinh vận dụng và khắc ghi kiến thức khi tiết dạy kết thúc. Đây là hình thức học hoàn toàn mới nên cần phải có thêm thời gian để không chỉ học sinh mà còn giáo viên phải làm quen, là phương pháp thay thế cách học truyền thống ở thời điểm hiện tại là phù hợp để chống dịch nhưng chưa mang lại hiệu quả về mặt giáo dục. Sau gần một năm học, toàn bộ các trường học trên địa bàn đã có cơ hội trải nghiệm và làm quen với hình thức học mới thì chỉ có 31,2% là thích làm bài tập trực tuyến, vì lý do là hình thức mới nên đa số học sinh vẫn chọn hình thức truyền thống chiếm tới hơn 60%. Theo kết quả định tính, các em học sinh đều đưa ra lý do cho việc thích làm bài tập trực tuyến là do các em hoàn toàn có thể tra cứu đáp án qua Internet. Đây là một tệ nạn trong giáo dục vì học sinh chưa đủ khả năng để phân biệt đúng sai nhưng nếu tình trạng học tập trực tuyến không có sự kiểm soát trong quá trình làm bài tập thì người gặp bất lợi là học sinh và là thất bại của giáo dục. Chính bản thân học sinh cũng cảm thấy tình trạng làm bài tập trực tuyến là không tốt nhưng các em vẫn không tự giác để khắc phục vấn đề.

- Đánh giá về việc hoạt động nhóm khi học trực tuyến

	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Tốn ít thời gian hơn	Đồng ý	38,6%
Ít hoạt động nhóm hơn	Đồng ý	53,8%
Chủ động hơn	Không đồng ý	48,0%
Khó tập trung hơn	Đồng ý	53,4%

Bảng 20: Đánh giá về việc hoạt động nhóm khi học trực tuyến

Theo thống kê, số lượng học sinh đồng ý, hoàn toàn đồng ý và số học sinh không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý rằng hoạt động nhóm trực tuyến tốn ít thời gian hơn gần như tương đương nhau (khoảng 38%). Từ số liệu này, cho thấy rằng thời gian hoạt động nhóm ở các lớp có thể khác nhau, dựa vào cách tổ chức và quản lý lớp học của các giáo viên khác nhau.

Bên cạnh đó, có gần 60% tổng số học sinh đồng ý rằng học trực tuyến ít có hoạt động nhóm hơn, điều này cho thấy quá trình học trực tuyến còn bị hạn chế trong việc tổ chức các hoạt động thảo luận hay làm việc nhóm trong lớp. Thật vậy, với gần 60%

tổng số học sinh không đồng ý việc hoạt động trực tuyến chủ động hơn. Với hai kết quả thống kê này, nhóm nghiên cứu nhận thấy sự giảm sút trong các hoạt động nhóm. Việc này có thể xảy ra bởi vì học trực tuyến đã trở thành một rào cản hạn chế sự tương tác giữa thầy cô và học sinh, và giữa các học sinh với nhau. Mặt khác, sự giảm sút trong hoạt động nhóm khi học trực tuyến cũng có thể xuất phát từ việc giáo viên vẫn chưa có cách phù hợp để tổ chức lớp học trực tuyến hiệu quả nhất.

Ngoài ra, có gần 50% tổng số học sinh đồng ý việc hoạt động nhóm trực tuyến khó tập trung hơn. Từ đó, không chỉ việc hoạt động nhóm hạn chế về tần số và sự chủ động khi học trực tuyến mà khi hoạt động nhóm, các em còn khó tập trung hơn. Có thể lý do vì bất lợi học ở nhà dễ bị xao nhãng hoặc tiếp xúc tới màn hình quá lâu khiến các em mệt mỏi. Dù vậy, hoạt động nhóm trực tuyến chưa thật sự được phát triển hết tiềm năng vốn có khi thực hiện ở lớp học trực tiếp.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Ít	43,4%
Nguyễn Du	Nhiều	38,4%
Quang Trung	Ít	39,4%
Đống Đa	Nhiều	47,3%
Tây Sơn	Nhiều	41,3%
Dân tộc nội trú	Ít	66,7%
Bùi Thị Xuân	Nhiều	41,7%
Thăng Long	Ít	50,0%
Trần Phú	Nhiều	42,5%

Bảng 20.1: Đánh giá hoạt động nhóm tốn ít thời gian hơn theo trường học

Tổ chức hoạt động yêu cầu trước tiên giáo viên phải là một người sáng tạo để tổ chức hoạt động nhóm, thứ hai là yêu cầu học sinh phải có sự hợp tác và bắt buộc học sinh phải hoạt động, trao đổi, thảo luận cùng nhau. Hoạt động nhóm trong lớp học là hình thức luyện tập cho học sinh có kỹ năng mà bất cứ nhà tuyển dụng nào cũng yêu cầu sau này. Vì vậy giáo viên nên dành thời gian để tổ chức hoạt động trong tiết dạy để lớp trở nên sinh động và thu hút sự chú ý của học sinh. Một số trường vẫn chưa chú trọng vào bước này như là Lam Sơn (43,4%), Quang Trung (39,4%), Dân tộc nội trú (66,7%), Thăng Long (50,0%)

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Ít	69,5%

Nguyễn Du	Ít	58,9%
Quang Trung	Ít	63,9%
Đổng Đa	Ít	63,1%
Tây Sơn	Ít	39,2%
Dân tộc nội trú	Ít	66,7%
Bùi Thị Xuân	Ít	64,6%
Thăng Long	Ít	50%
Trần Phú	Ít	46,8%

Bảng 20.2: Đánh giá tần suất hoạt động nhóm khi học trực tuyến

Mặc dù là một kỹ năng khá là quan trọng cần được rèn luyện từ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường nhưng bản số liệu có thể kết luận rằng học sinh tất cả các trường không được luyện tập kỹ năng này nhiều như mục tiêu của giáo dục. Theo kết quả định tính, các em cần được hoạt động nhiều hơn là việc nghe-nhìn-chép và hoạt động nhóm sẽ góp phần làm thay đổi không khí lớp học thêm phần sôi động hơn. Hoạt động nhóm là lúc các em nói lên những hiểu biết của mình sau quá trình trao đổi của các học sinh trong nhóm từ đó giáo viên cũng có thể dễ dàng nắm bắt tình hình lớp vì chỉ cần sửa cho đại diện của các nhóm vừa tiết kiệm được thời gian lại còn hiệu quả. Thậm chí, các em có nhu cầu hoạt động nhóm nhiều hơn nhưng do giáo viên không tổ chức nhiều. Đây là một vấn đề nghiêm trọng và điều cần phải thay đổi đầu tiên là cách thức tổ chức hoạt động nhóm, làm cách nào để gây hứng thú cho học sinh tham gia.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Không đồng ý	43,4%
Nguyễn Du	Không đồng ý	49,4%
Quang Trung	Không đồng ý	42,6%
Đổng Đa	Không đồng ý	42,1%
Tây Sơn	Không đồng ý	41,2%
Dân tộc nội trú	Không đồng ý	58,3%
Bùi Thị Xuân	Không đồng ý	62,5%
Thăng Long	Đồng ý	37,5%
Trần Phú	Không đồng ý	53,2%

Bảng 20.3: Đánh giá hoạt động nhóm mang tính chủ động hơn khi học trực tuyến

Học sinh tất cả các trường cho rằng hoạt động nhóm không thúc đẩy tính chủ động khi tham gia học trực tuyến. Do hình thức mới lạ, học sinh chưa quen với cách hoạt động

nhóm. Đa số khi tham gia lớp học, các em không phải mở camera - giáo viên kiểm soát lớp không tốt nên các em thoải mái làm việc riêng. Khi làm việc nhóm sẽ xảy ra tình trạng một hoặc một vài bạn phải làm bài của cả nhóm trong khi đó các thành viên khác không tham gia nhưng vẫn được tính điểm. Hệ lụy là tiêu cực trong giáo dục. Các em mất đi môi trường học tập là một bất lợi vì không có sự cạnh tranh hay đôn đốc lẫn nhau như lớp học truyền thống nên các em không hăng hái xây dựng bài. Chỉ riêng học sinh Thăng Long cảm thấy không bị ảnh hưởng bởi hình thức học mới này mà trái lại, các em vẫn thích nghi.

Trường	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Lam Sơn	Đồng ý	50,0%
Nguyễn Du	Đồng ý	61,6%
Quang Trung	Đồng ý	45,9%
Đống Đa	Đồng ý	47,4%
Tây Sơn	Đồng ý	45,1%
Dân tộc nội trú	Đồng ý	83,3%
Bùi Thị Xuân	Đồng ý	58,4%
Thăng Long	Đồng ý	50,0%
Trần Phú	Đồng ý	53,2%

Bảng 20. 4: Đánh giá học trực tuyến khó tập trung hơn khi hoạt động nhóm:

Khả năng tập trung của toàn bộ học sinh các trường đều giảm so với học trên lớp vì các em hoàn toàn tự do mà không có sự quản lý của giáo viên chặt chẽ và phụ huynh. Nếu có sự giám sát của phụ huynh kết hợp thì tình hình mới được cải thiện phần nào. Khác với môi trường truyền thống, chỉ cần sự quan sát của giáo viên là có thể bao quát được lớp học còn học trực tuyến thì điều này là không thể. Tình trạng đùn đẩy công việc có thể đã xảy ra trong quá trình hoạt động nhóm nhưng khi học trực tuyến thì tình trạng này càng xảy ra ở mức độ trầm trọng hơn vì nếu các thành viên muốn nhắc nhở nhau hợp tác làm bài cũng bất tiện hơn vì phải sử dụng phần mềm khác để nhắc nhở. Sự hợp tác trong quá trình làm việc nhóm thấp và kém hiệu quả của việc học trực tuyến là kém hơn hẳn. Ngoài ra, vì không có sự kiểm soát triệt để và tuyệt đối từ phụ huynh và giáo viên nên các em dễ dàng sử dụng thiết bị học tập vào giải trí.

	Số lượng (365)	Tỉ lệ phần trăm
Học trực tuyến hiệu quả	42	11,5%

Học trên lớp hiệu quả	221	60,5%
Không có sự khác nhau	69	18,9%

Bảng 21: Đánh giá chung về việc hoạt động nhóm trực tuyến

Có 60,5% tổng số học sinh đồng ý học trên lớp hiệu quả hơn, từ đó có thể thấy rằng việc hoạt động nhóm trực tuyến chưa thật sự hiệu quả và còn có nhiều khó khăn cũng như hạn chế xảy ra.

Mặc dù còn tồn tại rất nhiều hạn chế vì có tới 60,5% học sinh cho rằng học trực tiếp là tốt hơn nhưng theo đánh giá từ phiếu khảo sát, có tới 30,4% học sinh cho rằng học trực tuyến hiệu quả và không có sự khác biệt so với học trên lớp. Bước đầu, hoạt động nhóm khi học trực tuyến theo đánh giá khách quan là đã thành công phần nào. Theo khảo sát định tính, trong một tiết học thầy cô vẫn cho học sinh học lý thuyết là chủ yếu nên không có thời gian học sinh thực hành bằng hình thức hoạt động nhóm nhiều. Thậm chí có trường không có hoạt động nhóm vì trong một tuần có quá ít hoạt động nhóm mặc dù học sinh có nhu cầu nhiều nhưng dường như không có nhiều thời gian cho việc hoạt động nhóm. Khi học trực tuyến, khi thiết kế hoạt động nhóm sẽ có lợi thế vì hình thức sẽ phong phú, thú vị hơn khi sử dụng các phần mềm giáo dục khác để làm bài tập nhóm nên đó là lý 30,4% học sinh thích học trực tuyến hơn.

- Đánh giá về việc kiểm tra, đánh giá kết quả khi học trực tuyến

	Ý kiến	Tỉ lệ phần trăm
Ít kiểm tra hơn	Không đồng ý	44,0%
Có nhiều thời gian để làm bài kiểm tra	Đồng ý	38,7%
Kiểm tra dễ hơn	Đồng ý	41,1%

Bảng 22: Đánh giá về việc kiểm tra, đánh giá kết quả khi học trực tuyến

Theo đánh giá của học sinh, có thể thấy rằng quá trình đánh giá và kiểm tra về tần suất là vẫn nhiều, có nhiều thời gian để làm bài và kiểm tra cũng dễ hơn. Học trực tuyến vẫn đảm bảo về số lượng bài kiểm tra để đánh giá theo tiến độ giống như học trực tiếp vì có tới 44% học sinh cho rằng số lượng bài kiểm tra là nhiều. Mặc dù đa số học sinh cảm nhận là có nhiều thời gian hơn để làm bài nhưng so với số lượng không đồng ý (38,5% và 32,6%) thì số lượng chênh lệch không nhiều.

Cấp 2	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
	Ý kiến	Phản	Ý kiến	Phản	Ý kiến	Phản	Ý kiến	Phản

		trăm		trăm		trăm		trăm
Học trực tuyến ít kiểm tra hơn	Đồng ý	37,0	Không đồng ý	43,6	Không đồng ý	53,4	Không đồng ý	43,7
Học trực tuyến có nhiều thời gian hơn	Đồng ý	50,0	Không đồng ý	40,3	Đồng ý	38,3	Phân vân	
Học trực tuyến kiểm tra dễ hơn	Đồng ý	47,8	Phân vân		Đồng ý	45,0	Đồng ý	40,0

Cấp 3	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
	Ý kiến	Phần trăm	Ý kiến	Phần trăm	Ý kiến	Phần trăm
Học trực tuyến ít kiểm tra hơn	Không đồng ý	51,1%	Đồng ý	43,5%	Không đồng ý	47%
Học trực tuyến có nhiều thời gian hơn	Đồng ý	53,2%	Không đồng ý	41,3%	Phân vân	
Học trực tuyến kiểm tra dễ hơn	Đồng ý	55,4%	Đồng ý	43,4%	Phân vân	

Bảng 22.1: Đánh giá về quá trình làm bài kiểm tra theo khối lớp

Theo đánh giá từ khối lớp 6, học trực tuyến hoàn toàn có lợi, khối lớp 7 lại cảm nhận khác. Khối lớp 8 và lớp 10 cảm nhận chung là như nhau. Riêng khối 11 cảm nhận rất là khó khăn vì không đủ thời gian làm bài. Còn học sinh cuối cấp lại có sự phân vân và không có sự phân hoá rõ rệt. Thuận lợi của đánh giá và kiểm tra trực tuyến là học sinh được làm quen với nhiều phần mềm mới khi làm bài kiểm tra như Azota, Quizzizz, Shubclassroom... Bên cạnh đó, trong quá trình làm bài kiểm tra, học sinh mặc dù không được phép sử dụng tài liệu nhưng với phần lớn là câu hỏi trắc nghiệm nên các em hoàn toàn có thể tra cứu đáp án ở trên Internet vậy việc đánh giá và kiểm tra có còn phản ánh đúng năng lực của các em. Theo khảo sát định tính, với hình thức học là nghe – nhìn – chép vì không đủ thời gian nên thầy cô cho phép các em chụp lại nội dung bài học để chép bài sau khi buổi học kết thúc nhưng các em học thói quen xấu – đối phó bằng cách trả bài bằng hình ảnh thay vì học bài từ những gì các em chép ra. Các em cũng tự cảm nhận việc làm trên là không đúng nhưng các em cũng không có lý do để tự giác nên việc thiết kế câu hỏi phù hợp với học trực tuyến cần phải xem xét lại. Thói quen trên cũng hình thành thói quen xấu, gian lận trong kiểm tra, thi cử. Quan

trọng hơn nữa, các em cũng tự nhận xét rằng việc đánh giá và kiểm tra khi học trực tuyến là hoàn toàn không hiệu quả.

	Số lượng (365)	Tỉ lệ phần trăm
Học trực tuyến hiệu quả	47	12,9%
Học trên lớp hiệu quả	183	50,5%
Không có sự khác nhau	93	25,5%

Bảng 23: Đánh giá chung về việc kiểm tra, đánh giá kết quả khi học trực tuyến

Đánh giá về học lý thuyết, làm bài tập hay hoạt động khi học trực tuyến đều kém hiệu quả hơn so với học trực tiếp nên yêu cầu giáo viên phải tìm ra hình thức, giải pháp phù hợp để cải thiện sau này nhưng đối với kiểm tra và đánh giá trực tuyến cho dù có được cải thiện sau này thì học sinh và phụ huynh vẫn lo ngại nếu vẫn còn tiếp diễn. Cho đến hiện tại vẫn còn quá nhiều hạn chế dẫn đến tiêu cực trong giáo dục nên theo phần lớn học sinh (50,5%) cho rằng là nên quay lại hình thức truyền thống đối với đánh giá và kiểm tra.

2.5. Cảm nhận chung khi học trực tuyến

Sau thời gian học trực tuyến, các học sinh đều đã có cảm nhận và đánh giá cá nhân về phương pháp học tập mới được áp dụng trong thời gian chống dịch.

	Ý kiến					
	Rất ít	Phân trăm	Một phần	Phân trăm	Phân lớn	Phân trăm
Học trực tuyến đáp ứng nhu cầu phát triển	77	21,1%	217	47,6%	71	19,4%
Học trực tuyến đáp ứng nhu cầu học tập	78	6,3%	267	59,8%	124	34%
Học trực tuyến đáp ứng nhu cầu kiểm tra đánh giá	23	6,3%	238	65,2%	104	28,5%

Bảng 24: Cảm nhận chung khi học trực tuyến (1)

Giáo dục luôn đánh giá theo hai tiêu chí là nhu cầu phát triển và nhu cầu học tập. Theo bảng số liệu, học trực tuyến không đảm bảo phát triển toàn diện. Có tới 21,1% học sinh cảm thấy không được đáp ứng nhu cầu phát triển khi học trực tuyến, chủ yếu chỉ học kiến thức, không được học kỹ năng xã hội (giao tiếp với bạn bè, giao tiếp với giáo viên, giao tiếp với xã hội). Học sinh chỉ được giao tiếp với một đối tượng duy nhất là thiết bị học tập và bị hạn chế hoàn toàn về mặt giao tiếp giữa con người và con người.

Học tập trực tuyến tại Việt Nam nói chung và Đà Lạt nói riêng thì vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ mà chưa có nhiều đề tài nghiên cứu và trải nghiệm từ học sinh, phụ huynh cũng như là giáo viên trước đó. Song, phải áp dụng vào thực tiễn vì định bệnh bùng phát nên khó tránh khỏi nhiều thiếu sót, hạn chế và bất cập. Do vậy, vẫn tồn tại một thực trạng là giáo viên chưa có sự chuẩn bị chu đáo cho giáo án trực tuyến và cũng như thiếu kinh nghiệm giảng dạy trực tuyến nên làm cho học sinh có trải nghiệm không được tốt. Như đã đề cập ở trên chưa có một giải pháp nào triệt để để đánh giá và kiểm tra hiệu quả. Vẫn cần thiết thực hiện đánh giá và kiểm tra trực tiếp cho tới khi có giải pháp hiệu quả.

		Số lượng	Phần trăm %
Khó khăn hơn mình nghĩ	Hoàn toàn không đồng ý	32	8,8
	Không đồng ý	109	29,9
	Phân vân	110	30,1
	Đồng ý	100	27,4
	Hoàn toàn đồng ý	14	3,8
Tự tin hơn khi học trực tuyến	Hoàn toàn không đồng ý	17	4,7
	Không đồng ý	75	20,5
	Phân vân	115	31,5
	Đồng ý	128	35,1
	Hoàn toàn đồng ý	30	8,2

Bảng 25: Cảm nhận chung khi học trực tuyến (2)

Với kỹ năng tin học mà học sinh đang có thì đa số các em vẫn không cảm thấy khó khi chuyển từ học tập trực tiếp sang học tập trực tuyến nhưng vẫn chỉ dừng lại ở 38,7% trong khi đó có tới 31,2% học sinh lại nghĩ rằng là bản thân vẫn gặp khó khăn. Cụ thể hơn, khối lớp 6 và lớp 7 vẫn cần sự hỗ trợ từ gia đình.

		Số lượng	Phần trăm %
Đánh giá cao sự nỗ lực của giáo viên	Hoàn toàn không đồng ý	15	4,1
	Không đồng ý	42	11,5
	Phân vân	124	34,0
	Đồng ý	144	39,5
	Hoàn toàn đồng ý	40	11,0
Đánh giá cao sự hỗ	Hoàn toàn không đồng ý	10	2,7

trợ của giáo viên	Không đồng ý	9	2,5
	Phân vân	63	17,3
	Đồng ý	199	54,5
	Hoàn toàn đồng ý	84	23
Đánh giá cao sự hỗ trợ của bạn bè	Hoàn toàn không đồng ý	11	3,0
	Không đồng ý	21	5,8
	Phân vân	81	22,2
	Đồng ý	189	51,8
	Hoàn toàn đồng ý	63	17,3

Bảng 26: Cảm nhận chung khi học trực tuyến (3)

Trong các nguồn hỗ trợ, các em vẫn cần nhất là sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và cuối cùng là giáo viên. Giáo viên là người quan sát và là người trực tiếp giúp đỡ các em nhưng nghịch lý là các em đánh giá sự nỗ lực của giáo viên là thấp nhất. Hơn nữa là có tới 34,0% học sinh phân vân trong việc đánh giá trên. Có thể kết luận rằng, sự hỗ trợ của giáo viên chưa đem lại hiệu quả cao vì một số lý do như là trình bày nội dung lan man, khó hiểu, biểu cảm, trang phục, tác phong, bản thân giáo viên không gọi cho học sinh hứng thú khi học, không tạo được không khí trong tiết dạy, trang trình chiếu không thu hút và trên hết là đường truyền. Cho dù giáo viên thực sự thực hiện tốt những điều trên mà đường truyền kém thì mọi sự nỗ lực cũng không được đánh giá cao.

2.6. Đánh giá có yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến

Trong quá trình học trực tuyến của các em học sinh, có rất nhiều yếu tố mà nhóm nghiên cứu đã đề ra dựa vào khả năng có thể xảy ra. Dựa vào những yếu tố ảnh hưởng này cũng có thể giúp nhóm nghiên cứu rút ra được những thuận lợi hay bất lợi khi học trực tuyến.

Yếu tố	Ý kiến	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm
Chất lượng và tốc độ Internet	Ảnh hưởng nhiều	239	65,5%
Thiết bị học trực tuyến	Ảnh hưởng nhiều	198	54,2%
Kỹ năng công nghệ thông tin cá nhân	Ảnh hưởng ít	213	58,3%
Kinh nghiệm học trực tuyến cá nhân	Ảnh hưởng ít	192	52,6%

Bảng 27: Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (1)

Có thể nhận thấy trong thống kê, có đến hơn 65% tổng học sinh đánh giá chất lượng và tốc độ Internet có ảnh hưởng đến học trực tuyến nhiều và rất nhiều. Bên cạnh đó,

thiết bị học trực tuyến lại không thực sự ảnh hưởng nhiều với đa số học sinh vì sự chênh lệch không quá cao. Ngoài ra, kỹ năng công nghệ thông tin của cá nhân có xu hướng ảnh hưởng ít đối với học sinh khi học trực tuyến (có khoảng hơn 58%). Cùng với đó, kinh nghiệm học trực tuyến của cá nhân cũng không được đánh giá ảnh hưởng quá nhiều khi chưa có sự chênh lệch lớn giữa số học sinh lựa chọn ảnh hưởng ít và số học sinh lựa chọn ảnh hưởng nhiều.

Yếu tố	Ý kiến	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm
Sự hỗ trợ của giáo viên	Ảnh hưởng ít	208	56,7%
Sự hỗ trợ của bạn bè	Ảnh hưởng nhiều	194	53,2%
Sự hỗ trợ của gia đình tạo môi trường học ở nhà	Ảnh hưởng nhiều	187	51,2%

Bảng 28: Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (2)

Bên cạnh đó, các yếu tố bên ngoài như sự hỗ trợ của giáo viên, của bạn bè hay của phụ huynh khi học trực tuyến chưa thực sự có ảnh hưởng lớn đối với học sinh. Trong đó, sự hỗ trợ của giáo viên về học trực tuyến có xu hướng ảnh hưởng ít khi có hơn 50% tổng số học sinh đánh giá ít ảnh hưởng, sự hỗ trợ của bạn bè về học trực tuyến thì có xu hướng ảnh hưởng nhiều khi khoảng 50% học sinh đánh giá ảnh hưởng nhiều, còn sự hỗ trợ của gia đình tạo môi trường học ở nhà cũng chưa có sự chênh lệch khi tỉ lệ chọn giữ ảnh hưởng ít và ảnh hưởng nhiều là khoảng 50%.

Yếu tố	Ý kiến	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm
Cách dạy của giáo viên	Ảnh hưởng nhiều	250	68,5%
Khả năng công nghệ thông tin của giáo viên khi dạy học	Ảnh hưởng nhiều	205	56,1%
Khả năng hỗ trợ công nghệ thông tin của gia đình khi học trực tuyến	Ảnh hưởng ít	192	52,6%

Bảng 29: Các yếu tố ảnh hưởng đến học trực tuyến (3)

Theo thống kê, có hơn 68% học sinh đánh giá cách dạy của giáo viên trong môi trường trực tuyến ảnh hưởng nhiều, và hơn 56% học sinh đánh giá khả năng công nghệ thông tin của giáo viên khi học trực tuyến ảnh hưởng nhiều. Từ đó, có thể rút ra được rằng

giáo viên đóng vai trò không nhỏ trong quá trình dạy học trực tuyến. Bên cạnh đó, khả năng hỗ trợ công nghệ thông tin của gia đình khi học trực tuyến có xu hướng ảnh hưởng ít chỉ với 52,6%.

Bên cạnh đó, những yếu tố có xu hướng ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình học trực tuyến là chất lượng đường truyền và vai trò của giáo viên khi dạy học trực tuyến. Những yếu tố còn lại cũng không hẳn không có ảnh hưởng nhưng theo đánh giá của học sinh, những yếu tố đó chưa thực sự có sự ảnh hưởng lớn đối với quá trình học trực tuyến của học sinh.

Tóm lại, yếu tố ảnh hưởng nhất khi học trực tuyến là đường truyền Internet và cách dạy của giáo viên. Đối với việc học, bản thân các em tự lo liệu được nhưng khi gặp trục trặc thì vẫn cần sự hỗ trợ từ giáo viên hơn, vì thầy cô đang là người hướng dẫn trực tiếp các em. Điều các em cần từ gia đình là tạo môi trường học tập lý tưởng nhất có thể khi học tập trực tuyến tại nhà. Mặt khác, trải nghiệm trước đó và kỹ năng công nghệ thông tin theo các em là không được đánh giá cao nhưng không phải là không cần thiết. Nếu đã có trải nghiệm trước đó thì khi học trực tuyến trước đó thì vẫn tốt hơn là không có.

2.7. Lựa chọn tương lai và nhu cầu hỗ trợ học tập trực tuyến

- Lựa chọn hình thức học tập trong tương lai

Sau khi trải nghiệm học trực tuyến, nhóm nghiên cứu muốn khảo sát lựa chọn tương lai nếu khi hết dịch thì các em học sinh sẽ lựa chọn hình thức học tập nào phù hợp với các bạn. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đề tài cũng khảo sát về nhu cầu hỗ trợ khi học trực tuyến để có thể đề ra những phương pháp phát triển cách học trực tuyến.

	Tần số	Phần trăm (%)
Học trên lớp + Không học trực tuyến	121	33,2
Học trực tuyến + Không học trên lớp	62	17,0
Học trên lớp 30% + Học trực tuyến 70%	36	9,9
Học trên lớp 40% + Học trực tuyến 60%	9	2,5
Học trên lớp 50% + Học trực tuyến 50%	84	23,0
Học trên lớp 60% + Học trực tuyến 40%	13	3,6
Học trên lớp 70% + Học trực tuyến 30%	40	11,0
Tổng cộng	365	100,0

Bảng 30: Hình thức học tập lựa chọn sau dịch

Theo thống kê, có 33,2% tổng số học sinh lựa chọn học trên lớp và không học trực tuyến nữa. Bên cạnh đó, gần 50% mong muốn kết hợp học trực tuyến và học trên lớp

theo nhiều tỉ lệ khác nhau. Từ đó, có thể nhận thấy được học trực tuyến có xu hướng phát triển trong tương lai khi có đa số học sinh muốn học kết hợp với học trên lớp. Lý do có hình thức học tập kết hợp này là để khắc phục những vấn đề hiện có khi học trực tuyến.

- Nhu cầu hỗ trợ học tập trực tuyến

		Số lượng	Phần trăm (%)
Hướng dẫn sử dụng công nghệ học trực tuyến	Không cần thiết	76	20,8%
	Cần thiết	146	40,0%
	Khá cần thiết	81	22,2%
	Rất cần thiết	62	17,0%
Hướng dẫn làm bài nộp kiểm tra khi học trực tuyến	Không cần thiết	53	14,5%
	Cần thiết	154	42,2%
	Khá cần thiết	88	24,1%
	Rất cần thiết	70	19,2%
Cung cấp thêm tài liệu học tập khi học trực tuyến	Không cần thiết	22	6,0%
	Cần thiết	148	40,5%
	Khá cần thiết	100	27,4%
	Rất cần thiết	95	26,0%

Bảng 31: Nhu cầu hỗ trợ để học trực tuyến tốt hơn (1)

Theo số liệu thống kê, đa số học sinh đều lựa chọn những nhu cầu trong bảng 31 từ mức cần thiết trở lên là hơn 70%. Qua đó, có thể thấy được những nhu cầu bình thường mà các em học sinh chưa được đáp ứng khi học trực tuyến là sự hướng dẫn về công nghệ, sự hướng dẫn khi nộp bài kiểm tra và tài liệu học tập.

		Số lượng	Phần trăm %
Bài giảng trực tuyến cần sinh động hơn	Không cần thiết	30	8,2%
	Cần thiết	125	34,2%
	Khá cần thiết	104	28,5%
	Rất cần thiết	106	29,0%
Bài giảng trực tuyến cần chia nhỏ ra để dễ tập trung	Không cần thiết	40	11,0%
	Cần thiết	139	38,1%
	Khá cần thiết	97	26,6%
	Rất cần thiết	89	24,4%
Bài giảng có thí nghiệm cần mô phỏng tốt hơn	Không cần thiết	16	4,4%
	Cần thiết	130	35,6%
	Khá cần thiết	109	29,9%
	Rất cần thiết	110	30,1%
Dạy chậm hơn khi dạy trực tuyến	Không cần thiết	42	11,5%
	Cần thiết	130	35,6%
	Khá cần thiết	92	25,2%
	Rất cần thiết	101	27,7%

Bảng 32: Nhu cầu hỗ trợ để học trực tuyến tốt hơn (2)

Ngoài ra, những nhu cầu như chất lượng băng giảng hay cách giảng bài của giáo viên cũng được đánh giá với mức độ cần thiết cao. Cụ thể là, về chất lượng bài giảng thì nhu cầu của học sinh về việc bài giảng trực tuyến cần sinh động hơn và cần chia nhỏ ra để dễ tập trung chiếm khoảng 90%. Bên cạnh đó, nhu cầu cần giảng chậm hơn khi dạy trực tuyến cũng chiếm gần 80% các học sinh đánh giá mức độ cần thiết.

Yếu tố	Lớp						
	6	7	8	9	10	11	12
Hướng dẫn sử dụng công nghệ khi học	32,6%	27,4%	18,3%	9,1%	14,9%	2,2%	12,2%
Hướng dẫn làm bài nộp bài kiểm tra khi học	32,6%	22,6%	30,0%	10,9%	21,3%	6,5%	8,2%
Cung cấp thêm tài liệu học tập	34,8%	19,4%	30,0%	27,3%	29,8%	19,6%	22,4%
Bài giảng trực tuyến cần sinh động hơn	39,1%	24,2%	43,3%	18,2%	29,8%	26,1%	22,4%
Bài giảng trực tuyến cần chia nhỏ ra để dễ tập trung	32,6%	22,6%	31,7%	18,2%	23,4%	23,9%	18,4%
Bài giảng có thí nghiệm cần mô phỏng tốt hơn	39,1%	25,8%	48,3%	23,6%	21,3%	32,6%	18,4%
Dạy chậm hơn khi dạy trực tuyến	28,3%	22,6%	26,7%	25,5%	29,8%	32,6%	30,6%

Bảng 33: Nhu cầu hỗ trợ khi học trực tuyến theo khối lớp ở mức độ ‘Rất cần thiết’

Đa số các em đều cảm thấy sự cần thiết của các yếu tố được nêu trên trong đó ở khối lớp 6 luôn duy trì hơn 30,0% và ở khối lớp 7 với mức độ như trên với khoảng 20% trở lên. Ở khối lớp 8, các em cần nhất về mô phỏng thí nghiệm cần tốt hơn. Về nhu cầu hướng dẫn công nghệ khi học thì khối lớp 6 và lớp 7 là cần nhất. Học sinh càng lớn thì hướng dẫn làm bài và kiểm tra trở nên không cần thiết nữa. Từ 20% đến 30% các em đều cần thêm tài liệu cần thiết để phục vụ quá trình học tập mặc dù các em có cơ hội tiếp xúc với nguồn tài liệu đa dạng, sinh động và nhiều hơn nhưng các em vẫn cần tài liệu tối ưu hơn, thiết thực hơn với nội dung lý thuyết đang được học. Điều này yêu cầu giáo

viên phải có sự chọn lọc kỹ càng trước khi cung cấp cho học sinh. Bài giảng sinh động hơn và chia nhỏ ra cũng là một yếu tố mà các em rất quan tâm và mong muốn giáo viên sẽ thay đổi trong tương lai, giúp cho học sinh hiểu bài và học trực tuyến trở nên hiệu quả hơn. Khối lớp 8 quan tâm tới thí nghiệm mô phỏng trong lớp học nhiều nhất với tỉ lệ lên đến 48,3%. Con số này yêu cầu người giáo viên nên chuẩn bị tiến trình bài giảng kỹ hơn để những tiết có thực hành mô phỏng sẽ gây thêm hứng thú cho học sinh. Yêu cầu dạy chậm hơn ở tất cả các khối lớp cũng duy trì ở độ khá cao (khoảng 20% - 30%). Ngoài ra, từ khảo sát định tính, học sinh cũng cần sự hỗ trợ thiết bị học tập tốt hơn như là máy tính bàn hay laptop để không phải sử dụng điện thoại – là thiết bị nhỏ nên hình ảnh, nội dung bị nhỏ ảnh hưởng nhiều đến thị giác của học sinh. Việc thường xuyên sử dụng thiết bị là điện thoại cũng có cái bất lợi là vừa sạc vừa học tập trực tuyến sẽ không đảm bảo an toàn cho học sinh. Cần sự quan tâm nhắc nhở của phụ huynh trong quá trình học. Cuối cùng và quan trọng nhất là cần thiết sự cải thiện trong cách soạn bài, trình bày khi giảng bài của giáo viên (cần giảng bài kỹ hơn để tất cả học sinh có thể theo kịp; theo sát để đánh giá khách quan hơn; cách diễn đạt của giáo viên cần lôi cuốn, hấp dẫn hơn; phong thái của giáo viên niềm nở, thân thiện gần gũi hơn; trang phục phù hợp, tác phong gọn gàng).

CHƯƠNG 3: NHẬN THỨC CỦA PHỤ HUYNH VỀ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát phụ huynh

Khách thể nghiên cứu có 1 nhóm là nhóm phụ huynh có con em học THCS & THPT. Đối với cuộc điều tra xã hội dùng tròn nghiên cứu, mẫu khách thể cung cấp dữ liệu định lượng là nhóm phụ huynh có con em học THCS & THPT tại địa bàn Thành phố Đà Lạt.

Đặc điểm mẫu khách thể phụ huynh có con em học THCS & THPT:

- Kích thước: 400 phụ huynh
- Về khu vực sinh sống: 58,6% trung tâm Thành Phố, 30,9% vùng ven trung tâm Thành phố, 10,36% xa trung tâm thành phố (bảng 34)
- Về trình độ học vấn: 24,0% trung học cơ sở, 31,1% trung học phổ thông, 33,4 Cao đẳng – Đại học, 11,4% sau đại học (bảng 35)
- Về trình độ học vấn của con em: 15,1% phụ huynh có con em học lớp 6, 14,6% phụ huynh có con em học lớp 7, 12,6% phụ huynh có con em học lớp 8, 11,1% phụ huynh có con em học lớp 9, 16,6% phụ huynh có con em học lớp 10, 12,9% phụ huynh có con em học lớp 11, 17,1% phụ huynh có con em học lớp 12 (bảng 36)

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Khu vực sinh sống	Trung tâm thành phố	205	58,6%
	Vùng ven trung tâm thành phố	108	30,9%
	Xa trung tâm thành phố	37	10,6%

Bảng 34: Khu vực sinh sống của phụ huynh

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Trình độ học vấn	Trung học cơ sở	84	24,0%
	Trung học phổ thông	109	31,1%
	Cao đẳng – Đại học	117	33,4%
	Sau đại học	40	11,4%

Bảng 35.1: Trình độ học vấn của phụ huynh

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Lớp	Lớp 6	53	15,1%

	Lớp 7	51	14,6%
	Lớp 8	44	12,6%
	Lớp 9	39	11,1%
	Lớp 10	58	16,6%
	Lớp 11	45	12,9%
	Lớp 12	60	17,1%

Bảng 35.2: Trình độ học vấn của con/em

3.2 Phương tiện học trực tuyến

		Khu vực sinh sống					
		Trung tâm Thành phố		Vùng ven trung tâm Thành Phố		Xa trung tâm Thành phố	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Học trực tuyến bằng máy tính để bàn	Không	160	78,0%	81	75,0%	33	89,2%
	Có	45	22,0%	27	25,0%	4	10,8%
Học trực tuyến bằng Laptop	Không	69	33,7%	37	34,3%	15	40,5%
	Có	136	66,3%	71	65,7%	22	59,5%
Học trực tuyến bằng tablet	Không	171	83,4%	91	84,3%	31	83,8%
	Có	34	16,6%	17	15,7%	6	16,2%
Học trực tuyến bằng điện thoại	Không	99	48,3%	47	43,5%	16	43,2%
	Có	106	51,7%	61	56,5%	21	56,8%

Bảng 36: Phương tiện học sinh dùng để học trực tuyến được phản hồi từ phụ huynh

Theo dữ liệu từ bảng 36, các phụ huynh sinh sống tại cả 3 khu vực: trung tâm Thành phố Đà Lạt, vùng ven trung tâm và xa trung tâm đều có con em học trực tuyến bằng laptop đứng vị trí đầu tiên với lần lượt 66.3%, 65.7% và 59.5%. Tiếp sau đó ở vị trí cao thứ 2 là hình thức học trực tuyến bằng điện thoại trong khoảng xấp xỉ 50% số lượt phản hồi. Hình thức học trực tuyến bằng máy tính để bàn và máy tính bảng chỉ chiếm số lượt phản hồi không đáng kể, khoảng một phần ba trong tổng số.

Nhìn chung, dựa vào số lượt phản hồi của phụ huynh, kết quả cho thấy học sinh trên địa bàn được điều tra ưa chuộng hình thức học trực tuyến bằng laptop hơn những phương tiện khác như: máy tính để bàn, điện thoại và máy tính bảng.

3.3. Đánh giá chất lượng học trực tuyến

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Học trực tuyến không hiệu quả bằng học trên	Hoàn toàn không đồng ý	27	7,7
	Không đồng ý	28	8,0
	Phân vân	61	17,4

lớp	Đồng ý	180	51,4
	Hoàn toàn đồng ý	54	15,4
Học trực tuyến kiến thức không nhiều như trên lớp	Hoàn toàn không đồng ý	17	4,9
	Không đồng ý	52	14,9
	Phân vân	69	19,7
	Đồng ý	169	48,3
	Hoàn toàn đồng ý	43	12,3
Học trực tuyến thiếu sự hỗ trợ của môi trường lớp học	Hoàn toàn không đồng ý	14	4,0
	Không đồng ý	27	7,7
	Phân vân	61	17,4
	Đồng ý	203	58,0
	Hoàn toàn đồng ý	45	12,9
Học trực tuyến là phương pháp tốt nhất trong giai đoạn dịch	Hoàn toàn không đồng ý	12	3,4
	Không đồng ý	13	3,7
	Phân vân	43	12,3
	Đồng ý	201	57,4
	Hoàn toàn đồng ý	81	23,1
Học trực tuyến làm học sinh mất tương tác và cơ hội chơi đùa cùng bạn	Hoàn toàn không đồng ý	18	5,1
	Không đồng ý	44	12,6
	Phân vân	51	14,6
	Đồng ý	196	56,0
	Hoàn toàn đồng ý	41	11,7

Bảng 37: Đánh giá chất lượng học trực tuyến thông qua phản hồi của phụ huynh

Dựa vào dữ liệu thu thập trong bảng 37, 51.4%, 48.3%, 58.0% và 56% phụ huynh cảm thấy học trực tuyến không hiệu quả bằng học trên lớp, kiến thức không nhiều như trên lớp, thiếu sự hỗ trợ của môi trường học tập và làm học sinh mất sự tương tác, cơ hội chơi đùa với bạn học. Tuy nhiên, khoảng một phần mười số lượng phụ huynh tham gia có cái nhìn đối lập (hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý) với những đánh giá nêu trên. Bên cạnh đó, xấp xỉ hai phần năm số phụ huynh còn lại có thái độ phân vân về các đánh giá được đề cập. Ngoài ra, 57.4% phụ huynh đồng ý với quan điểm học trực tuyến là cách thức tốt nhất trong giai đoạn dịch, trong khi đó, quan điểm này nhận về số lượng phản đối không đáng kể (3.4% cho hoàn toàn không đồng ý và 3.7% không đồng ý).

Tóm lại, bên cạnh những cái nhìn khách quan về việc học trực tuyến như là học trực tuyến là cách thức tốt nhất trong giai đoạn dịch, song song đó đa số phụ huynh đồng ý với những bất cập được nhắc đến trong bảng 37.

3.4. Nhận thức về lợi ích và bất lợi của việc học trực tuyến

		Khu vực sinh sống					
		Trung tâm Thành phố		Vùng ven trung tâm Thành phố		Xa trung tâm Thành phố	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Con linh động hơn về thời gian học tập	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,4%	5	4,6%	2	5,4%
	Không đồng ý	31	15,1%	17	15,7%	2	5,4%
	Phân vân	41	20,0%	27	25,0%	8	21,6%
	Đồng ý	109	53,2%	49	45,4%	25	67,6%
	Hoàn toàn đồng ý	19	9,3%	10	9,3%	0	0,0%
Giảm đáng kể thời gian đi lại	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,4%	3	2,8%	1	2,7%
	Không đồng ý	18	8,8%	16	14,8%	3	8,1%
	Phân vân	21	10,2%	18	16,7%	1	2,7%
	Đồng ý	132	64,4%	61	56,5%	28	75,7%
	Hoàn toàn đồng ý	29	14,1%	10	9,3%	4	10,8%
Con phát triển học tập với những hình thức học tập đa dạng	Hoàn toàn không đồng ý	4	2,0%	1	0,9%	1	2,7%
	Không đồng ý	31	15,1%	16	14,8%	1	2,7%
	Phân vân	30	14,6%	26	24,1%	9	24,3%
	Đồng ý	116	56,6%	55	50,9%	24	64,9%
	Hoàn toàn đồng ý	24	11,7%	10	9,3%	2	5,4%
Con phát triển khả năng tìm kiếm và	Hoàn toàn không đồng ý	3	1,5%	1	0,9%	1	2,7%
	Không đồng ý	24	11,7%	16	14,8%	0	0,0%
	Phân vân	36	17,6%	24	22,2%	10	27,0%
	Đồng ý	115	56,1%	56	51,9%	24	64,9%

chọn lọc tài nguyên học tập	Hoàn toàn đồng ý	27	13,2%	11	10,2%	2	5,4%
Con có nhiều thời gian hơn với gia đình	Hoàn toàn không đồng ý	2	1,0%	4	3,7%	1	2,7%
	Không đồng ý	35	17,1%	19	17,6%	2	5,4%
	Phân vân	33	16,1%	22	20,4%	5	13,5%
	Đồng ý	112	54,6%	48	44,4%	26	70,3%
	Hoàn toàn đồng ý	23	11,2%	15	13,9%	3	8,1%
Con phát triển kỹ năng lập kế hoạch học tập	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,4%	3	2,8%	1	2,7%
	Không đồng ý	35	17,1%	21	19,4%	5	13,5%
	Phân vân	48	23,4%	26	24,1%	10	27,0%
	Đồng ý	95	46,3%	48	44,4%	18	48,6%
	Hoàn toàn đồng ý	22	10,7%	10	9,3%	3	8,1%
Con phát triển kỹ năng quản lý học tập và sinh hoạt	Hoàn toàn không đồng ý	4	2,0%	5	4,6%	1	2,7%
	Không đồng ý	35	17,1%	16	14,8%	3	8,1%
	Phân vân	42	20,5%	23	21,3%	9	24,3%
	Đồng ý	103	50,2%	53	49,1%	23	62,2%
	Hoàn toàn đồng ý	21	10,2%	11	10,2%	1	2,7%

Bảng 38: Lợi ích của việc học online được phản hồi từ phụ huynh

Thông qua dữ liệu được thu thập từ bảng 38, ở cả 3 khu vực (trung tâm Thành phố, vùng ven trung tâm Thành phố và xa trung tâm Thành phố) có hơn một phần hai số lượng phụ huynh tham gia đã đồng ý với các lợi ích của việc học trực tuyến được đề cập (con linh động hơn về thời gian học tập, giảm đáng kể thời gian đi lại của con, con có nhiều thời gian với cha mẹ và anh chị em trong gia đình hơn, con phát triển được kỹ năng lập kế hoạch học tập, con phát triển được kỹ năng quản lý thời gian học tập và sinh hoạt, con phát triển được khả năng học tập với các hình thức học tập đa dạng). Ngược lại, dưới 25% người tham gia đánh giá đưa ra sự phân vân, không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý với vấn đề trên. Bên cạnh đó, phụ huynh cũng cho thấy rằng việc học trực tuyến có rất nhiều lợi ích như: giúp con/em họ bắt kịp với xu hướng phát triển của thời đại, không bị bỏ sót kiến thức ngoài sách giáo khoa, tiết kiệm nhiều chi

phí, đặc biệt còn giảm sự lo lắng của phụ huynh về vấn đề bạo lực học đường và hạn chế tình trạng tai nạn giao thông. Hơn thế nữa, phụ huynh còn nhận thấy con/em họ có thời gian nghỉ ngơi nhiều hơn sau những giờ học căng thẳng.

Với các số liệu vừa được phân tích, phần lớn các phụ huynh nhận thấy việc học trực tuyến mang lại nhiều lợi ích đối với con/em.

		Trung tâm Thành phố		Vùng ven trung tâm Thành phố		Xa trung tâm Thành phố	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Con lo lắng, căng thẳng khi gặp trực trực kỹ thuật	Hoàn toàn không đồng ý	6	2,9%	3	2,8%	1	2,7%
	Không đồng ý	21	10,2%	9	8,3%	4	10,8%
	Phân vân	26	12,7%	18	16,7%	2	5,4%
	Đồng ý	120	58,5%	66	61,1%	28	75,7%
	Hoàn toàn đồng ý	32	15,6%	12	11,1%	2	5,4%
Phụ thuộc nhiều vào đường truyền và kết nối mạng	Hoàn toàn không đồng ý	4	2,0%	3	2,8%	0	0,0%
	Không đồng ý	8	3,9%	2	1,9%	3	8,1%
	Phân vân	24	11,7%	11	10,2%	4	10,8%
	Đồng ý	123	60,0%	76	70,4%	27	73,0%
	Hoàn toàn đồng ý	46	22,4%	16	14,8%	3	8,1%

Không nộp được bài do trục trặc kỹ thuật	Hoàn toàn không đồng ý	9	4,4%	1	0,9%	0	0,0%
	Không đồng ý	13	6,3%	7	6,5%	6	16,2%
	Phân vân	29	14,1%	15	13,9%	1	2,7%
	Đồng ý	117	57,1%	67	62,0%	27	73,0%
	Hoàn toàn đồng ý	37	18,0%	18	16,7%	3	8,1%
Không được hỗ trợ kịp thời khi gặp trục trặc kỹ thuật	Hoàn toàn không đồng ý	8	3,9%	1	0,9%	1	2,7%
	Không đồng ý	22	10,7%	11	10,2%	3	8,1%
	Phân vân	28	13,7%	16	14,8%	5	13,5%
	Đồng ý	115	56,1%	66	61,1%	24	64,9%
	Hoàn toàn đồng ý	32	15,6%	14	13,0%	4	10,8%

Bảng 39: Bất lợi của việc học trực tuyến qua phản hồi của phụ huynh

Từ các dữ liệu trong bảng 39, khoảng gần 20%, và trên 50% phụ huynh trong các khu vực (Trung tâm Thành Phố, Vùng ven Thành Phố, và Xa trung tâm thành Phố) hoàn toàn đồng ý và đồng ý rằng trong quá trình học trực tuyến, vấn đề bất cập của con/em họ gặp phải thường liên quan đến đường truyền và kỹ thuật bao gồm: lo lắng căng thẳng khi gặp trục trặc kỹ thuật, phụ thuộc nhiều vào chất lượng đường truyền và kết nối mạng, không nộp được bài do trục trặc kỹ thuật, và không được hỗ trợ kịp thời khi gặp trục trặc kỹ thuật. Tuy nhiên, số lượt phản hồi từ phụ huynh được điều tra trong các khu vực có đánh giá phân vân, không đồng ý, và hoàn toàn không đồng ý với các vấn đề được đề cập chỉ chiếm ước chừng một phần mười tổng số. Nhìn chung, kỹ thuật và đường truyền mạng được xem như là một vấn đề lớn cần giải quyết khi học trực tuyến.

Đa số các phụ huynh có ý kiến cho rằng, việc học trực tuyến khiến con/em họ trở nên thụ động, ảnh hưởng đến sức khỏe ví dụ như tăng cân ngoài kiểm soát. Điều đáng lo ngại mà phụ huynh có nhắc đến đó là con/em không tự giác khi tham gia học tập trực tuyến, ví dụ như: chơi game trong quá trình học, tham gia các trang mạng mà bố/mẹ không kiểm soát được, trao đổi với nhau những vấn đề không lành mạnh, gian lận trong kiểm tra/thi cử. Phụ huynh cảm nhận thấy sự tương tác của giáo viên và học sinh

chỉ qua màn ảnh nên giảm bớt đi phần nào tình cảm thầy trò, học sinh dường như không được học kiến thức xã hội hay kỹ năng mềm mà chỉ còn học kiến thức văn hóa. Bài giảng của giáo viên chưa thực sự hiệu quả và khả năng tiếp thu của học sinh cũng chưa được tối ưu vì lí do tác động từ yếu tố như: đường truyền mạng, ý thức học tập của con/em.

3.5. Nhận thức về sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến

			Máy tính để bàn	Laptop	Máy tính bảng	Điện thoại
			Có	Có	Có	Có
Học lực	Xuất sắc	Số lượng	4	6	8	6
		Tỉ lệ %	30,8%	46,2%	61,5%	46,2%
	Giỏi	Số lượng	62	83	65	69
		Tỉ lệ %	38,8%	51,9%	40,6%	43,1%
	Khá	Số lượng	54	64	45	64
		Tỉ lệ %	40,3%	47,8%	33,6%	47,8%
	Trung bình	Số lượng	18	12	8	11
		Tỉ lệ %	51,4%	34,3%	22,9%	31,4%
	Yếu	Số lượng	2	5	3	2
		Tỉ lệ %	28,6%	71,4%	42,9%	28,6%
	Kém	Số lượng	0	0	0	1
		Tỉ lệ %	0,0%	0,0%	0,0%	100,0%

Bảng 40: Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về trang bị học tập

Từ bảng 40 cho thấy rằng có hơn 48,6% phụ huynh có con/em ở mọi loại học lực không hỗ trợ con/em họ sử dụng máy tính bàn, máy tính bảng, điện thoại, và các loại trang bị khác để học trực tuyến, cùng với đó Laptop lại được ưa chuộng hơn trong việc áp dụng hình thức học tập này với hơn 34,3% phản hồi. Bên cạnh đó, dữ liệu trong bảng được đề cập còn chỉ ra sự chênh lệch về sự hỗ trợ các trang thiết bị để học trực tuyến của các học sinh có các loại học lực khác nhau. Về sử dụng máy tính để bàn, đây là các trang thiết bị được đánh giá là hỗ trợ nhiều nhất bởi phụ huynh có con/em học lực Trung bình với 51,4%, phụ huynh có con/em học lực Xuất sắc lại lựa chọn máy tính bảng, và Điện thoại với 61,5%, và 46,2%, theo thứ tự. Ngược lại, Laptop chiếm phản hồi nhiều nhất bởi phụ huynh có con/em học lực Khá (51,9%). Ngoài ra, không có

nhiều phụ huynh có đề xuất về các trang thiết bị khác để học trực tuyến trong quá trình khảo sát.

Tóm lại, các trang thiết bị bao gồm máy tính để bàn, Laptop, điện thoại, máy tính bảng được phổ biến rộng rãi trong quá trình học trực tuyến. Tuy nhiên, số lượt phản hồi về việc thiếu trang thiết bị cũng rất đáng chú ý.

		Trung tâm Thành phố		Vùng ven trung tâm Thành phố		Xa trung tâm Thành phố	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Hỗ trợ về kết nối Internet (Internet cố định – tại nhà)	Không	8	3,9%	1	0,9%	2	5,4%
	Có	197	96,1%	107	99,1%	35	94,6%
Hỗ trợ về kết nối Internet (Internet di động – qua điện thoại)	Không	138	67,3%	77	71,3%	28	75,7%
	Có	67	32,7%	31	28,7%	9	24,3%

Bảng 41: Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về kết nối Internet

Theo bảng 41, phụ huynh trong cả ba khu vực vùng Trung Tâm, venTrung Tâm, và xa Trung tâm đều đánh giá rất cao việc hỗ trợ kết nối Internet cố định – tại nhà cho việc học tập của con/em, lần lượt là 96,1% cho vùng Trung Tâm, 99,1% cho vùng ven Trung Tâm, và 94,6% cho vùng xa Trung Tâm. Tiếp đến, có từ 24,35% tới 32,7% phản hồi sử dụng kết nối internet di động- qua điện thoại để hỗ trợ con/em trong quá trình học tập trực tuyến. Ngoài ra, không có ý kiến nào nói về việc hỗ trợ kết nối internet bằng cách khác.

Nhìn chung, từ góc nhìn của phụ huynh, việc hỗ trợ kết nối Internet cố định tại nhà được quan tâm nhất để đảm bảo chất lượng của đường truyền không làm ảnh hưởng đến quá trình học tập của con/em.

		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Hỗ trợ con về môi trường học tập (phòng học riêng)	Không	96	27,4%
	Có	254	72,6%
Hỗ trợ con về môi trường học tập (góc học tập riêng)	Không	107	30,6%
	Có	243	69,4%
Hỗ trợ con về môi trường học tập (giúp con tìm tài liệu trên Internet)	Không	230	65,7%
	Có	120	34,3%
Hỗ trợ con về môi trường học tập	Không	181	51,7%

(giúp con khi gặp trục trặc kỹ thuật)	Có	169	48,3%
Hỗ trợ con về môi trường học tập (tạo môi trường yên tĩnh tách biệt)	Không	148	42,3%
	Có	202	57,7%
Hỗ trợ con về môi trường học tập (ưu tiên thời gian học tập của con)	Không	135	38,6%
	Có	215	61,4%

Bảng 42: Phản hồi của phụ huynh về hỗ trợ con/em môi trường học tập

Từ bảng 42, hỗ trợ con về môi trường học tập (phòng học riêng), hỗ trợ con về môi trường học tập (góc học tập riêng), hỗ trợ con về môi trường học tập (tạo môi trường yên tĩnh tách biệt), và hỗ trợ con về môi trường học tập (ưu tiên thời gian của con) đạt được các phản hồi tích cực từ phụ huynh (từ 57,7% đến 72,6%). Trong khi đó số ý kiến không hỗ trợ về học tập (giúp con tìm tài liệu trên Internet) cao hơn khoảng 31% so với ý kiến là “Có”. Ngoài ra, phụ huynh cũng không quá tích cực trong hỗ trợ con về môi trường học tập (giúp con khi con gặp trục trặc kỹ thuật), minh chứng là chỉ có 48,3% ý kiến “Có”, nhưng có tới 51,7% ý kiến “Không”.

Không chỉ có con/em phải tiếp cận việc học theo phương thức mới mà phụ huynh cũng đã bắt đầu tìm hiểu và hội nhập theo cùng. Một số phụ huynh đề cập đến việc họ cũng tìm hiểu cách giáo dục con kiểu mới để phù hợp với hình thức học trực tuyến. Thêm vào đó, phụ huynh hỗ trợ con/em về vấn đề phương tiện học tập cũng như lúc gặp trục trặc kỹ thuật.

Tóm lại, trên hơn một nửa các phụ huynh tham gia điều tra đã nhận thức và hỗ trợ con về môi trường học tập được đề cập trong bảng 42.

Cấp 2		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (lắng nghe)	Không	22	41,5%	12	23,5%	26	59,1%	14	35,9%
	Có	31	58,5%	39	76,5%	18	40,9%	25	64,1%
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (động viên)	Không	14	26,4%	15	29,4%	17	38,6%	10	25,6%
	Có	39	73,6%	36	70,6%	27	61,4%	29	74,4%

Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (đánh giá cao nỗ lực của con)	Không	12	22,6%	17	33,3%	19	43,2%	11	28,2%
	Có	41	77,4%	34	66,7%	25	56,8%	28	71,8%
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (hiểu được khó khăn của con)	Không	7	13,2%	6	11,8%	18	40,9%	13	33,3%
	Có	46	86,8%	45	88,2%	26	59,1%	26	66,7%

Cấp 3		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (lắng nghe)	Có	22	37,9%	21	46,7%	28	46,7%
	Không	36	62,1%	24	53,3%	32	53,3%
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (động viên)	Có	15	25,9%	16	35,6%	24	40,0%
	Không	43	74,1%	29	64,4%	36	60,0%
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (đánh giá cao nỗ lực của con)	Có	25	43,1%	15	33,3%	27	45,0%
	Không	33	56,9%	30	66,7%	33	55,0%
Hỗ trợ con về tâm lý xã hội (hiểu được khó khăn của con)	Có	18	31,0%	12	26,7%	24	40,0%
	Không	40	69,0%	33	73,3%	36	60,0%

Bảng 43: Phản hồi của phụ huynh ở khía cạnh hỗ trợ con/em về tâm lý xã hội

Theo bảng 43, hơn 40% phụ huynh của học sinh ở mọi cấp bậc (từ lớp 6 tới lớp 12) đưa ra sự đồng ý với các quan điểm hỗ trợ con về tâm lý xã hội được đề cập bao gồm lắng nghe, động viên, đánh giá cao nỗ lực của con, và hiểu được khó khăn của con. Ngược lại, xấp xỉ dưới 46% phụ huynh đưa ra ý kiến “Không” với vấn đề hỗ trợ con về tâm lý xã hội. Về vấn đề tâm lý của con/em, phụ huynh không can thiệp nhiều vì nếu gặp khó khăn thì học sinh sẽ liên hệ với thầy cô và bạn bè.

Tóm lại, phần lớn phụ huynh đã có nhận thức về vấn đề hỗ trợ con về tâm lý xã hội.

3.6. Đánh giá sự hỗ trợ con/em trong quá trình học trực tuyến

		Trung tâm Thành phố		Vùng ven trung tâm Thành phố		Xa trung tâm Thành phố	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)
Đáp ứng nhu cầu học tập của con	Rất ít	11	5,4%	4	3,7%	4	10,8%
	Chỉ một phần	35	17,1%	17	15,7%	3	8,1%
	Phần nào	81	39,5%	40	37,0%	20	54,1%
	Phần lớn	60	29,3%	40	37,0%	8	21,6%
	Hoàn toàn	18	8,8%	7	6,5%	2	5,4%
Đáp ứng nhu cầu phát triển của con	Rất ít	24	11,7%	8	7,4%	3	8,1%
	Chỉ một phần	44	21,5%	25	23,1%	7	18,9%
	Phần nào	76	37,1%	39	36,1%	16	43,2%
	Phần lớn	46	22,4%	32	29,6%	10	27,0%
	Hoàn toàn	15	7,3%	4	3,7%	1	2,7%

Bảng 44: Phản hồi của phụ huynh về đáp ứng nhu cầu của con/em

Từ bảng 44, tại cả 3 khu vực (Trung tâm Thành phố, Vùng ven trung tâm Thành phố và xa trung tâm Thành phố) khoảng từ 30% đến 55% phụ huynh đều chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu học tập và phát triển (thể chất, thẩm mỹ, đạo đức...) của con cái trong suốt quá trình học trực tuyến. 8,8% là con số cao nhất của lượt phản hồi hoàn toàn đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển của con/em từ phía phụ huynh.

Nhìn chung, phụ huynh trên địa bàn thành phố Đà Lạt chưa đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển của con/em họ trong thời gian học trực tuyến một cách toàn diện

		Trình độ học vấn							
		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông		Cao đẳng – Đại học		Sau đại học	
		Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm (%)

Đánh giá cao sự hỗ trợ của giáo viên	Hoàn toàn không đồng ý	2	2,4%	2	1,8%	1	0,9%	3	7,5%
	Không đồng ý	4	4,8%	3	2,8%	3	2,6%	0	0,0%
	Phân vân	14	16,7%	18	16,5%	16	13,7%	4	10,0%
	Đồng ý	46	54,8%	72	66,1%	82	70,1%	31	77,5%
	Hoàn toàn đồng ý	18	21,4%	14	12,8%	15	12,8%	2	5,0%

Bảng 45: Phản hồi của phụ huynh về đánh giá sự hỗ trợ của giáo viên

Số liệu từ bảng 45 cho thấy có từ 54.8% đến 77.5% số lượt phản hồi tích cực của phụ huynh với trình độ học vấn khác nhau (Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Cao đẳng – Đại học và Sau đại học) về vấn đề hỗ trợ của giáo viên cho con em họ. Gần như các ý kiến đều là ghi nhận và đánh giá cao sự hỗ trợ học sinh trong hình thức học tập mới này. Rõ ràng, số lượng phụ huynh có đánh giá tiêu cực (hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý) là con số không đáng kể.

Vậy, mặc dù phụ huynh của học sinh trên địa bàn Thành phố Đà Lạt có trình độ học vấn khác nhau nhưng cùng quan điểm đồng ý về sự hỗ trợ của giáo viên cho con/em trong quá trình học trực tuyến.

		Hỗ trợ lập kế hoạch học tập				Hỗ trợ về mặt tâm lý và tinh thần			
		Ít quan trọng	Quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng
Xuất sắc	Số lượng	1	4	4	4	2	3	3	5
	Tỉ lệ %	7,7%	30,8%	30,8%	30,8%	15,4%	23,1%	23,1%	38,5%
Giỏi	Số lượng	12	50	63	35	13	48	45	54
	Tỉ lệ %	7,5%	31,2%	39,4%	21,9%	8,1%	30,0%	28,1%	33,8%
Khá	Số lượng	7	51	41	35	8	48	39	39
	Tỉ lệ %	5,2%	38,1%	30,6%	26,1%	6,0%	35,8%	29,1%	29,1%

Trung bình	Số lượng	2	17	9	7	4	16	8	7
	Tỉ lệ %	5,7%	48,6%	25,7%	20,0%	11,4%	45,7%	22,9%	20,0%
Yếu	Số lượng	0	3	1	3	0	2	2	3
	Tỉ lệ %	0,0%	42,9%	14,3%	42,9%	0,0%	28,6%	28,6%	42,9%
Kém	Số lượng	0	0	1	0	0	1	0	0
	Tỉ lệ %	0,0%	0,0%	100,0%	0,0%	0,0%	100,0%	0,0%	0,0%

Bảng 46.1: Đánh giá được thu thập từ ý kiến của phụ huynh về tầm quan trọng của sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến. (1)

		Hỗ trợ về mặt trang bị học tập				Hỗ trợ quản lý thời gian			
		Ít quan trọng	Quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng
Xuất sắc	Số lượng	1	4	2	6	1	4	5	3
	Tỉ lệ %	7,7%	30,8%	15,4%	46,2%	7,7%	30,8%	38,5%	23,1%
Giỏi	Số lượng	5	46	49	60	9	53	53	45
	Tỉ lệ %	3,1%	28,8%	30,6%	37,5%	5,6%	33,1%	33,1%	28,1%
Khá	Số lượng	3	46	30	55	9	45	36	44
	Tỉ lệ %	2,2%	34,3%	22,4%	41,0%	6,7%	33,6%	26,9%	32,8%
Trung bình	Số lượng	3	12	8	12	2	13	9	11
	Tỉ lệ %	8.6%	34.3%	22.9%	34.3%	5.7%	37.1%	25.7%	31.4%
Yếu	Số lượng	0	2	2	3	0	2	1	4
	Tỉ lệ %	0.0%	28.6%	28.6%	42.9%	0.0%	28.6%	14.3%	57.1%
Kém	Số lượng	0	0	1	0	0	0	1	0
	Tỉ lệ %	0.0%	0.0%	100.0 %	0.0%	0.0%	0.0%	100.0%	0.0%

Bảng 46.2: Đánh giá được thu thập từ ý kiến của phụ huynh về tầm quan trọng của sự hỗ trợ con/em trong việc học trực tuyến. (2)

Với dữ liệu đã được thu thập trong bảng 46 (1), (2), phần lớn những phụ huynh của con/em có học lực Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình, và Yếu (trong khoảng từ 25% đến 60%), và Kém (10%) cho rằng các đề xuất được nêu (Hỗ trợ lập kế hoạch học tập, Hỗ trợ về mặt tâm lý và tinh thần, Hỗ trợ về trang thiết bị học tập, và Hỗ trợ quản lý thời gian) quan trọng, khá quan trọng, và rất quan trọng. Trong khi đó, dưới 20% các ý kiến cho rằng các mục được đề xuất ít quan trọng.

Tóm lại, đa số các phụ huynh có con/em học tập với các học lực khác nhau đều đánh giá cao tầm quan trọng của sự hỗ trợ con/em họ trong việc học trực tuyến.

3.7. Lựa chọn hình thức học tập cho tương lai

	Khu vực sinh sống					
	Trung tâm Thành phố		Trung tâm Thành phố		Trung tâm Thành phố	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Học trên lớp + Không học trực tuyến	98	47,8%	40	37,0%	16	43,2%
Học trực tuyến + Không học trên lớp	14	6,8%	7	6,5%	2	5,4%
Học trên lớp 30% + Học trực tuyến 70%	18	8,8%	13	12,0%	0	0,0%
Học trên lớp 40% + Học trực tuyến 60%	4	2,0%	6	5,6%	0	0,0%
Học trên lớp 50% + Học trực tuyến 50%	36	17,6%	22	20,4%	13	35,1%
Học trên lớp 60% + Học trực tuyến 40%	3	1,5%	2	1,9%	0	0,0%
Học trên lớp 70% + Học trực tuyến 30%	32	15,6%	18	16,7%	6	16,2%

Bảng 47: Hình thức học tập học sinh mong muốn học sau khi dịch

Từ các dữ liệu được phản hồi, từ 37% tới 47,8% phụ huynh trong các khu vực (Trung tâm Thành Phố, Vùng ven Thành Phố, và Xa trung tâm Thành Phố) đều đề cử hình thức học trên lớp và không học trực tuyến sau khi dịch bệnh kết thúc. Với các hình thức còn lại (Học trực tuyến+Không học trên lớp, Học trên lớp 30%+Học trực tuyến 70%, Học trên lớp 40%+Học trực tuyến 60%, Học trên lớp 50%+Học trực tuyến 50%, Học trên lớp 60%+ Học trực tuyến 40%, và Học trên lớp 70%+ Học trực tuyến 30%) không nhận được nhiều phản hồi tích cực, chỉ trong khoảng 17,6% trở xuống.

Ta có thể thấy mặc dù học trực tuyến được đánh giá khá cao trong mùa dịch, nhưng trong điều kiện bình thường thì phần lớn các phụ huynh đều mong muốn con/em họ tiếp tục áp dụng hình thức học truyền thống hơn (học trên lớp).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận:

Thông qua quá trình nghiên cứu, nhận thấy có sự tương đồng trong thực trạng học trực tuyến tại Việt Nam và lý thuyết của các nhà nghiên cứu cùng đề tài ở trên thế giới. Từ đó, đề tài là cơ sở cho thấy cần thiết có sự thay đổi, cải thiện trong cách truyền thụ kiến thức, yêu cầu các đối tượng nghiên cứu thích nghi với hình thức giáo dục mới.

Dù trong tương lai, vẫn chưa có minh chứng nào cho thấy những biến thể của vi rút Covid - 19 sẽ không xuất hiện, do đó, điều cần thiết chuẩn bị phương pháp giáo dục kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến nhằm linh hoạt trong quá trình chống dịch trong tương lai. Vì thế, thông tin rút ra được từ quá trình nghiên cứu là đề xuất những hướng đi mới để khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm của việc học trực tuyến trong thời gian sau này.

Bên cạnh đó, thế giới đang ngày càng phát triển đi đôi với sự cải tiến của công nghệ, hình thức học tập trực tuyến sẽ được phổ biến rộng rãi, vì vậy việc hiểu và rút ra được những lợi ích hay bất lợi là mắt xích quan trọng trong hình thức giáo dục đổi mới cần phải có ở Việt Nam.

Từ nghiên cứu, có thể rút ra được những yếu tố sau:

- Lợi ích
Phụ huynh và học sinh nhận thức rằng học tập trực tuyến là hình thức phù hợp trong bối cảnh chống dịch tại thành phố Đà Lạt. Bên cạnh đó, vai trò của giáo viên được đánh giá cao trong việc hướng dẫn học sinh học trực tuyến. Ngoài ra, học sinh và phụ huynh thích ứng khá nhanh với hình thức học tập mới.

- Bất lợi
Vấn đề lớn nhất của học trực tuyến là chất lượng đường truyền sẽ ảnh hưởng đến quá trình học tập, mất đi sự tương tác vốn có trong môi trường học tập truyền thống. Học sinh cần sự hỗ trợ của giáo viên và phụ huynh trong suốt quá trình học tập trực tuyến. Phụ huynh và học sinh đều đồng ý việc kiểm tra và đánh giá không hiệu quả.

Sau quá trình nghiên cứu, nhóm thực hiện đề tài nhận thấy rằng việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển lẫn nhu cầu học tập của học sinh thì cần thiết. Thêm vào đó, hình thức học trực tuyến còn mới, trải nghiệm của các đối tượng nghiên cứu với hình thức học này còn hạn chế nên còn tồn tại rất nhiều bất cập và khó khăn. Vai trò của giáo viên không chỉ là người truyền tải kiến thức mà còn là người hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ, quản lý lớp học khi áp dụng hình thức dạy học mới. Cả học sinh và giáo viên đều phải làm việc ở môi trường đòi hỏi sự tập trung cao hơn.

Giáo dục trực tuyến trong tương lai sẽ được kết hợp với giáo dục trực tiếp, thì học sinh sẽ có nhiều sự lựa chọn hơn trong hình thức học tập phù hợp với bản thân mình, còn bản thân giáo viên sẽ rút được kinh nghiệm làm thế nào để nâng cao chất lượng bài giảng, còn phụ huynh sẽ có thể chọn phương tiện học tập phù hợp với con em mình hơn.

Kiến nghị:

Phụ huynh cần quan tâm và kết hợp với giáo viên để hỗ trợ các em học tập tốt hơn. Tạo điều kiện môi trường học tập lý tưởng cho con, em. Hỗ trợ thiết bị học tập tối ưu.

Giáo viên cần thiết kế bài giảng sinh động hơn, cung cấp tài liệu phù hợp với nội dung lý thuyết, chia nhỏ bài giảng và giảng kỹ hơn, phong thái, giọng điệu. Giáo viên cần phải kiểm soát lớp học chặt chẽ hơn khi học trực tuyến. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh giải quyết các vấn đề về kỹ thuật và công nghệ. Giáo viên cần chú trọng hơn về hoạt động nhóm khi học trực tuyến. Cải thiện về phương tiện học tập và chất

lượng mạng là yếu tố quan trọng đầu tiên để nâng cao chất lượng học tập của con/em. Giáo viên cần quan tâm đến tất cả các em học sinh trong lớp học, không bỏ sót 1 ai từ học sinh yếu đến học sinh khá, giỏi. Bên cạnh đó, trang phục của giáo viên và học sinh cũng là điều cần tuân thủ theo quy tắc chuẩn mực của một lớp học. Ngoài ra, tư tưởng và ý thức của học sinh cũng cần phải thay đổi để thích hợp với hình thức học tập mới này.

Mở rộng:

Trong tương lai, những nghiên cứu cùng chủ đề nên được thực hiện ở quy mô rộng hơn để làm tăng tính xác thực của đề tài nghiên cứu. Ví dụ như, không chỉ là phụ huynh và học sinh ở khu vực Thành phố Đà Lạt mà còn trên các địa bàn khắp cả nước. Điều này có thể giúp các nhóm thực hiện nghiên cứu nhìn nhận toàn diện về sự phổ biến của ưu điểm và bất lợi của việc học trực tuyến. Ngoài ra, việc học trực tuyến không những có thể áp dụng trong chương trình dạy học ở nhà trường mà học sinh có thể sử dụng nó như một hình thức tự học. Về vấn đề này, các nghiên cứu trong tương lai sẽ tiếp tục làm rõ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo Tiếng Việt:

1. Phạm Thị Vân Anh (2020). Học trực tuyến và một số gợi ý để hỗ trợ hiệu quả trong việc học trực tuyến cho sinh viên không chuyên tiếng Anh, trình độ A1 tại trường Đại học Sư Phạm Hà Nội. *Tạp chí Giáo Dục (Số đặc biệt kì 1 - tháng 5/2020)*, 186-189.
- Đạo, M.. (2021). Ngày đầu tiên học sinh chuyển từ học trực tuyến sang học trực tiếp. Trích từ trang Web <http://baolamdong.vn/xahoi/202112/ngay-dau-tien-hoc-sinh-chuyen-tu-hoc-truc-tuyen-sang-hoc-truc-tiep-3096078/>, tham khảo ngày 2/1/2022.
2. giasutamtaiduc.com. 2020. *CÔNG CỤ ĐỂ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN*. [online] Truy cập ngày 10/11/2021 tại <https://giasutamtaiduc.com/cong-cu-de-day-hoc-truc-tuyen.html>
3. EduFaro - Chia sẻ tri thức giáo dục. 2021. *8 Công cụ hỗ trợ giảng dạy, tương tác trong dạy học trực tuyến*. [online] Truy cập ngày 10/11/2021 tại <<https://edufaro.com/cong-cu-giang-day-truc-tuyen/>>

4. Hà, L. (2017). Đào tạo trực tuyến trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0. Trích từ trang Web <https://nhandan.vn/dien-dan-giao-duc/dao-tao-truc-tuyen-trong-thoi-ky-cach-mang-cong-nghiep-4-0-284208/>, tham khảo ngày 2/11/2021.
5. Hà, V. (2021). Năm học 2021-2022: Có 24 tỉnh, thành phố đang dạy học trực tuyến và qua truyền hình | Xã hội | Báo ảnh Dân tộc và Miền núi. Trích từ trang Web <https://dantocmiennui.vn/nam-hoc-20212022-co-24-tinh-thanh-pho-dang-day-hoc-truc-tuyen-va-qua-truyen-hinh/306669.html>, tham khảo ngày 2/11/2021.
6. News, V., 2021. *Học trực tuyến không hiệu quả, phụ huynh Hà Nội mong con sớm trở lại trường*. [online] Báo điện tử VTC News. Truy cập ngày 10/11/20221 tại: <<https://vtc.vn/hoc-truc-tuyen-khong-hieu-qua-phu-huynh-ha-noi-mong-con-som-tro-lai-truong-ar597710.html>>
7. Phan Thị Bích Lợi & Nguyễn Thị Kiều Oanh (2020). *Một số mô hình giáo dục trực tuyến trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Phong, C. (2022). Đà Lạt thống nhất phương án cho sinh học trực tuyến ngay sau thi học kỳ 1. Trích từ trang Web <http://baolamdong.vn/xahoi/202201/da-lat-thong-nhat-phuong-an-cho-sinh-hoc-truc-tuyen-ngay-sau-thi-hoc-ky-1-3099769/>, tham khảo ngày 20/1/2022.
8. Đinh Xuân Thanh (2020). Dạy học trực tuyến cho sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 489 (Kì 1 - 11/2020), 48-54.
9. Phan Chí Thành (2017) Cách mạng công nghệ 4.0 - xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến, *Tạp chí Giáo dục*, 421 (Kì 1 - 1/2018), 43-46; 19.
10. Minh Trang (2021). *Review top 7 phần mềm dạy học trực tuyến tốt nhất 2020*. [online] Easy Edu. Truy cập ngày 9/11/2021 tại <<https://easyledu.vn/review-top-7-phan-mem-day-hoc-truc-tuyen-toi-uu-nhat-nam-2020/>>
11. V. Lê (2021). Nhiều phụ huynh vẫn “đau đầu” với việc học trực tuyến của con. *Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam* [online] Truy cập ngày 10/11/2021 tại: <<https://dangcongsan.vn/noi-hay-dung/nhieu-phu-huynh-van-dau-dau-voi-viec-hoc-truc-tuyen-cua-con-591669.html>>
12. Vnpt.com.vn. 2021. *Phần mềm học trực tuyến là gì? 6 phần mềm tốt nhất hiện nay*. [online] Truy cập ngày 10/11/2021 tại <<https://vnpt.com.vn/doanh-nghiep/tu-van/phan-mem-hoc-truc-tuyen.html>>

Tài liệu tham khảo Tiếng Anh:

1. Andrej Démuth (2013) *Perception Theories*. Trnava, Slovakia: NXB Towarzystwo Słowaków w Polsce.
2. (OU Qiong (2017). *Studies in Literature and Language*, 15(4), 18-28)
3. Bogoun Vlang (2021). *Học trực tuyến khác với học trực tiếp như thế nào? - Bogounvlang*. Truy cập ngày 10/11/2021 từ <<http://bogounvlang.org/hoc-truc-tuyen-khac-voi-hoc-truc-tiep-nhu-the-nao/>>
4. DUCHARME, J. (2020). The WHO Just Declared Coronavirus COVID-19 a Pandemic. Trích từ trang Web <https://time.com/5791661/who-coronavirus-pandemic-declaration/> (WHO), tham khảo ngày 2/11/2021.
5. Elaine Allen (2011). *Going the Distance Online Education in the United States*.
6. Ilker Koksall (2020) The rise of online learning. *Tạp chí Forbes*.
7. Linda Harism (1996) Online education. *Tạp chí New York – Trường Đại học State*, 203.
8. Michigan virtual school. *Planning Guide for Online and Blended Learning*.
9. Quizizz.com (2015). Quizizz — *The world's most engaging learning platform*. [online] Truy cập ngày 9/11/2021 tại <<https://quizizz.com/>>
10. Retno Puji Rahaya, Yanty Wirza, (2020) Teachers' Perception of Online Learning during Pandemic Covid-19.
11. Sarkar, S. (2020). A Brief History of Online Education | Adamas University. Trích từ trang Web <https://adamasuniversity.ac.in/a-brief-history-of-online-education/>, tham khảo ngày 2/11/2021.
12. WHO (2020) *Coronavirus disease (COVID-19)* Trích từ trang Web https://www.who.int/health-topics/coronavirus#tab=tab_1, tham khảo ngày 10/11/2021.
13. Zakaryia Almahasees, Khaled Mohsen & Mohammad (2021). Faculty's and Student's Perceptions Online Learning During COVID-19.

